

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NAM HỒNG**  
**TRƯỜNG MẦM NON NAM HỒNG**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ**  
**NĂM HỌC 2025 - 2026**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Chữ ký</b>
1	Trần Thị Nụ	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Đặng Thị Cẩm Hương	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch HĐ	
3	Dương Thị Tươi	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch HĐ	
4	Đặng Thị Hoài	Kế toán	Thư kí HĐ	
5	Ngô Thị Hường	Giáo viên TTCMMG	Ủy viên HĐ	
6	Ngô Thị Nhài	Giáo viên TTCM Nhà trẻ	Ủy viên HĐ	
7	Ngô Thị Sen	Giáo viên TPCMMG	Ủy viên HĐ	
8	Nguyễn Thị Thu	Giáo viên nhà trẻ	Ủy viên HĐ	
9	Ngô Thị Huyền	Giáo viên	Ủy viên HĐ	
10	Đặng Thị Quỳnh	Giáo viên	Ủy viên HĐ	
11	Đặng Thị Duyên	Giáo viên	Ủy viên HĐ	

## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
Mục lục	2-3
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	4
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
<b>Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU</b>	6
<b>Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>	7
<b>A. ĐẶT VẤN ĐỀ</b>	7-10
<b>B. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>	10
<b>I. Tiêu chí 1: Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (UĐCNTT) và chuyển đổi số (CDS)</b>	10
<b>Mở đầu</b>	10
<b>Tiêu chí 1:</b>	10-13
<b>Kết luận về tiêu chí 1</b>	13
<b>II. Tiêu chí 2: Triển khai ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ</b>	14
<b>Mở đầu</b>	14
<b>Tiêu chí 2.1 Quản lý thông tin trẻ em</b>	14-16
<b>Tiêu chí 2.2 Quản lý thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em</b>	16-18
<b>Tiêu chí 2.3 Quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên</b>	18-21
<b>Tiêu chí 2.4 Quản lý thông tin y tế trường học</b>	21-23
<b>Tiêu chí 2.5 Quản lý thông tin phổ cập giáo dục</b>	23-25
<b>Tiêu chí 2.6 Quản lý thông tin tài sản, tài chính</b>	25-26
<b>Tiêu chí 2.7 Quản lý văn bản điện tử</b>	27-28
<b>Tiêu chí 2.8 Tiện ích tính toán khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng, thực đơn hằng ngày theo chế độ dinh dưỡng cần thiết và phù hợp với sự phát triển của trẻ</b>	28-30
<b>Tiêu chí 2.9 Chức năng tổ chức hoạt động giáo dục trẻ</b>	30-32
<b>Tiêu chí 2.10 Chức năng phối hợp, tham gia của cha mẹ trẻ vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo kế hoạch của nhà trường</b>	32-34

<b>Tiêu chí 2.11 Chức năng tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ em và cộng đồng</b>	34-35
<b>Tiêu chí 2.12 Kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục (do Bộ GDĐT quản lý)</b>	35-37
<b>Tiêu chí 2.13 Ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ</b>	37-39
<b>Kết luận về tiêu chí 2</b>	39-42
<b>III. Tiêu chí 3: Triển khai dịch vụ trực tuyến</b>	42
<b>Mở đầu</b>	42
<b>Tiêu chí 3.1 Dịch vụ tuyển sinh đầu cấp mầm non trực tuyến</b>	42-43
<b>Tiêu chí 3.2 Dịch vụ kết nối giữa gia đình và cơ sở giáo dục</b>	43-45
<b>Tiêu chí 3.3 Dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt</b>	45-47
<b>Kết luận về tiêu chí 3</b>	47-48
<b>IV. Tiêu chí 4: Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số</b>	49
<b>Mở đầu</b>	49
<b>Tiêu chí 4.1 Tỷ lệ giáo viên sử dụng được ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ</b>	49-51
<b>Tiêu chí 4.2 Tỷ lệ giáo viên hằng năm được tập huấn, bồi dưỡng (gồm cả bồi dưỡng cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận) nâng cao năng lực chuyên môn thông qua nền tảng số</b>	51-53
<b>Kết luận về tiêu chí 4</b>	53-54
<b>V. Tiêu chí 5: Hạ tầng, thiết bị phục vụ quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ</b>	55
<b>Mở đầu</b>	55
<b>Tiêu chí 5.1 Tỷ lệ phòng học có thiết bị hỗ trợ triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và được kết nối Internet</b>	55-57
<b>Tiêu chí 5.2 Máy tính kết nối Internet phục vụ công tác văn phòng, chuyên môn của cơ sở giáo dục mầm non</b>	57-59
<b>Kết luận về tiêu chí 5</b>	59-60
<b>Phần III. KẾT LUẬN CHUNG</b>	60
<b>Phần IV. PHỤ LỤC</b>	61

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Ký hiệu viết tắt</b>
1	Ban giám hiệu	BGH
2	Bộ Giáo dục và Đào tạo	BGDĐT
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	SGDĐT
4	Giáo dục và Đào tạo	GDĐT
5	Quyết định	QĐ
6	Tự đánh giá	TĐG
7	Giáo dục mầm non	GDMN
8	Phụ huynh học sinh	PHHS
9	Giáo viên	GV
10	Cán bộ quản lý	CBQL
11	Cán bộ, giáo viên, nhân viên	CBGVNV
12	Phần mềm	PM
13	Công nghệ thông tin	CNTT
14	Ứng dụng công nghệ thông tin	UDCNTT
15	Chuyển đổi số	CĐS
16	Cơ sở dữ liệu	CSDL
17	Công chức viên chức	CCVC
18	Quản lý văn bản điều hành	QLVBĐH
19	Phần mềm quản trị nhà trường	VnEdu
20	Phần mềm quản lý tài sản	Misa
21	Phần mềm thu chi hộ	Dtsoft
22	Quản lý thu chi	QLTC

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

### 1. Kết quả đánh giá

*(Đánh dấu x vào ô kết quả tương ứng Kết quả đạt)*

#### 1.1. Đánh giá tiêu chí

Tiêu chí	Kết quả đạt		
	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Tiêu chí 1			x
Tiêu chí 2			x
Tiêu chí 3		x	
Tiêu chí 4		x	
Tiêu chí 5			x

**Kết quả: Đạt mức độ 3**

**2. Kết luận: Đạt mức độ 3**

## Phần I: CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tỉnh: Ninh Bình

Xã: Nam Hồng

Điện thoại: 0836835569

Email: mamnonnamhong.namtruc@gmail.com

Website: <https://mnnamhong.ninhbinh.edu.vn/>

Đạt mức độ chuyển đổi số: Mức độ 3

### 1. Số học sinh, cán bộ giáo viên, nhân viên

- Tổng số học sinh: 426 học sinh
  - o Nhà trẻ: 88 học sinh
  - o Mẫu giáo: 338 học sinh
- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 55 người
  - o Cán bộ quản lý: 03 người
  - o Giáo viên: 39 người
  - o Nhân viên kế toán: 01 người
  - o Nhân viên nấu ăn: 06 người
  - o Nhân viên bảo vệ: 03 người
  - o Nhân viên lao công: 03 người

### 2. Nhân sự thực hiện chuyển đổi số

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia thực hiện công tác chuyển đổi số: 55
  - Ban chỉ đạo chuyển đổi số: 11 người
    - o Trưởng ban: 01 người
    - o Phó trưởng ban: 02 người
    - o Thành viên: 08 người
  - Nhân sự phụ trách CNTT: 02 người (giáo viên kiêm nhiệm)
  - Các chương trình đào tạo, tập huấn về CDS đã thực hiện: 04

### 3. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin

#### Phòng học và các phòng chức năng

- o Tổng số phòng học: 18 phòng
- o Phòng chức năng: 8 phòng

- Phòng y tế: 1 phòng

### **Trang thiết bị công nghệ thông tin**

- Số lượng máy tính: 05 máy để bàn (phục vụ công tác quản lý); 18 chiếc laptop phục vụ dạy và học tại các nhóm, lớp.
  - Số lượng Tivi có kết nối mạng Internet: 18
  - Số lượng máy chiếu: 01 cái
  - Hệ thống camera giám sát: Có (đã lắp đặt tại 3 điểm trường)
  - Hệ thống wifi: Có (đã lắp đặt 03 đường truyền tại 3 điểm trường)
  - Phần mềm quản lý giáo dục: Có
- Tên phần mềm: Quản trị nhà trường VnEdu, cơ sở dữ liệu ngành.

### **4. Các số liệu khác: Không**

## **Phần II: TỰ ĐÁNH GIÁ**

### **A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

#### **1. Tình hình chung của nhà trường**

Trường Mầm non Nam Hồng được sáp nhập từ 2 trường Mầm non Nam Hồng và trường Mầm non Nam Trung từ tháng 09/2019 theo Quyết định số 1909/QĐ-UBND huyện Nam Trực (cũ) ngày 16/08/2019. Hiện nay, trường Mầm non Nam Hồng có 18 nhóm, lớp khang trang với đầy đủ các trang thiết bị phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho trẻ đáp ứng với yêu cầu giáo dục hiện nay. Trường có tổng số 448 học sinh và 55 CBGVNV. Đội ngũ cán bộ, quản lý, giáo viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, yêu nghề, mến trẻ. Trường có nhiều giáo viên đạt danh hiệu giáo viên giỏi các cấp và được tặng các danh hiệu thi đua và giấy khen. Trường được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng chính quyền, các ban ngành đoàn thể, Ban đại diện cha mẹ học sinh (ĐDCMHS) đã hỗ trợ và đầu tư kinh phí để xây dựng và nâng cấp. Trường được công nhận lại trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1, trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, trường học Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn vào tháng 02/2025. Nhà trường luôn chú trọng đến việc ứng dụng công nghệ thông tin (UDCNTT) và chuyển đổi số (CĐS) trong công tác quản lý, giảng dạy và chăm sóc trẻ. Trong những năm gần đây, nhà trường đã có nhiều nỗ lực trong việc nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT, đào tạo nhân sự, cũng như ứng dụng các phần mềm quản lý và giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

#### **2. Mục đích tự đánh giá**

Việc tự đánh giá (TĐG) giúp nhà trường xác định được những điểm mạnh, hạn chế trong quá trình triển khai ứng dụng CNTT và CĐS. Qua đó, nhà trường có thể đưa ra các giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả quản lý, giảng dạy, đồng thời đáp ứng các yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non (GDMN) trong thời đại công nghệ số.

Rà soát việc triển khai các văn bản hướng dẫn về CDS để xây dựng hệ thống văn bản chỉ đạo khoa học.

Đánh giá việc thực hiện UDCNTT vào quản lý của nhà trường và việc giáo viên ứng dụng trong công tác dạy và học, để bồi dưỡng đội ngũ (CBQL, GV, NV) có kiến thức kỹ năng đáp ứng yêu cầu CDS. Trước hết là kỹ năng ứng dụng CNTT, kỹ năng an toàn thông tin, kỹ năng khai thác, sử dụng hiệu quả các ứng dụng phục vụ công việc dạy và học hàng ngày.

Đánh giá việc tuyên truyền chăm sóc giáo dục trẻ trên các trang Website, Zalo, Facebook .... của giáo viên và việc tương tác giữa phụ huynh và nhà trường.

Đánh giá việc giáo viên tham gia đóng góp chia sẻ kho dữ liệu số của nhà trường và của ngành.

### **3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá**

Nhà trường đã nhận thức rõ được tầm quan trọng của việc UDCNTT và CDS. Nhà trường đã triển khai hoạt động TĐG mức độ CDS theo Bộ chỉ số đánh giá CDS trong cơ sở GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGDDT) ban hành. Quá trình tự đánh giá được thực hiện theo các bước sau:

#### *Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá*

Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG với số lượng và thành phần phù hợp, đảm bảo sự tham gia của các cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên, nhân viên có chuyên môn liên quan. Hội đồng có nhiệm vụ chỉ đạo, triển khai và giám sát toàn bộ quá trình TĐG mức độ CDS tại nhà trường.

#### *Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá*

Hội đồng TĐG xây dựng kế hoạch TĐG chi tiết, trong đó xác định rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp thực hiện, thời gian thực hiện, thời gian hoàn thành và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên. Kế hoạch này được triển khai theo hướng dẫn của BGDDT, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả.

#### *Bước 3: Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng*

Hội đồng TĐG tiến hành thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng liên quan đến quá trình CDS tại nhà trường, bao gồm:

- Các văn bản chỉ đạo, kế hoạch, báo cáo liên quan đến CDS.
- Dữ liệu về ứng dụng công nghệ trong quản lý, giảng dạy, chăm sóc trẻ.
- Minh chứng về hạ tầng CNTT, phần mềm, thiết bị phục vụ CDS.
- Các kết quả khảo sát, phản hồi từ giáo viên, phụ huynh về mức độ ứng dụng CDS.

#### *Bước 4: Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí*

Dựa trên các minh chứng thu thập được, Hội đồng TĐG tiến hành đối chiếu với Bộ chỉ số đánh giá CDS trong cơ sở GDMN, từ đó xác định mức độ đạt được của từng tiêu chí thông qua phiếu đánh giá tiêu chí. Quá trình đánh giá đảm bảo tính khách quan, trung thực và phản ánh đúng thực trạng của nhà trường.

#### *Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá*

Sau khi hoàn thành quá trình đánh giá, Hội đồng tổng hợp kết quả, xây dựng báo cáo TĐG mức độ CDS trình bày lần lượt theo thứ tự các tiêu chí. Mỗi tiêu chí đảm bảo đầy đủ các mục: Mô tả hiện trạng, điểm mạnh, điểm yếu, kế hoạch cải tiến chất lượng, tự đánh giá mức độ đạt được.

#### *Bước 6: Công bố báo cáo TĐG và kết quả TĐG*

Nhà trường tổ chức công bố kết quả TĐG và báo cáo TĐG có ký số hoặc (chữ kí của lãnh đạo và dấu của đơn vị bản PDF) lên trang thông tin điện tử của nhà trường, đến các cấp quản lý, CBGVNV và các bên liên quan. Việc công bố đảm bảo tính minh bạch, đồng thời tạo cơ sở để tiếp tục triển khai các hoạt động cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả CDS.

#### *Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo TĐG*

Dựa trên kết quả TĐG, nhà trường tiến hành các hoạt động cải tiến nhằm nâng cao chất lượng CDS.

#### **Những vấn đề nổi bật trong quá trình tự đánh giá bao gồm:**

+ Trong công tác quản lý:

- Quản lý hiệu quả: Các phần mềm, công cụ số giúp nhà trường lưu trữ, quản lý dữ liệu thông tin về học sinh, giáo viên, tài chính, CSVN... một cách khoa học và chính xác, cũng như theo dõi tiến trình học tập của trẻ em, giúp giảm thiểu thủ tục hành chính và tăng cường tính minh bạch.

Tiết kiệm thời gian và chi phí: Giảm bớt thủ tục hành chính, tối ưu hóa quy trình làm việc, hạn chế sử dụng giấy tờ.

Tăng tính minh bạch và chính xác: Dữ liệu được số hóa giúp giảm sai sót trong việc thống kê, báo cáo.

Hỗ trợ ra quyết định nhanh chóng: Các báo cáo, số liệu có thể được tổng hợp tự động, giúp lãnh đạo nhà trường đưa ra quyết định kịp thời.

Tăng cường kết nối và trao đổi thông tin giữa phụ huynh và nhà trường: Ứng dụng Vneduteacher, VnEdu Connect, phần mềm Vnedu giúp nhà trường kết nối nhanh chóng với giáo viên, phụ huynh và các cơ quan quản lý giáo dục.

Các nền tảng trực tuyến giúp phụ huynh dễ dàng theo dõi sự tiến bộ của con em mình và giao tiếp tương tác với giáo viên, nhận thông báo, chia sẻ ý kiến về quá trình học tập và phát triển của trẻ.

Hỗ trợ giáo viên: Cung cấp các công cụ hỗ trợ giáo viên trong việc xây dựng chương trình giảng dạy, đánh giá học sinh và phát triển các kỹ năng chuyên môn thông qua các khóa đào tạo trực tuyến hoặc tài nguyên số.

Khả năng tiếp cận rộng rãi: Giúp mở rộng cơ hội học tập cho trẻ em ở những khu vực khó khăn, đặc biệt là thông qua các nền tảng học trực tuyến và ứng dụng công nghệ để hỗ trợ học tập từ xa.

+ *Trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ*

Phần mềm quản lý excell giúp theo dõi khẩu phần ăn đảm bảo chế độ dinh dưỡng hợp lý, hỗ trợ y tế trường học can thiệp kịp thời khi cần.

Ứng dụng Vnedu Connect, zalo của nhóm lớp giúp giáo viên cập nhật tình hình ăn, ngủ, vui chơi, hoạt động của trẻ hàng ngày cho cha mẹ trẻ, gửi/duyet đơn xin nghỉ học của trẻ, tương tác giữa PH và GV trong nhóm lớp qua mục Trò chuyện, tin nhắn...

+ *Trong công tác giáo dục trẻ*

- Cải thiện phương pháp giảng dạy: Giáo viên sử dụng công nghệ số để thiết kế tạo ra các bài giảng sinh động phù hợp với từng độ tuổi, khả năng nhận thức của trẻ, giúp trẻ em tiếp cận kiến thức một cách trực quan, sinh động và dễ hiểu thông qua các phần mềm học tập, qua hình ảnh, video sinh động, video giáo dục và trò chơi tương tác giúp tăng hứng thú học tập.

Giúp trẻ làm quen với công nghệ từ sớm, phát triển tư duy logic và kỹ năng sử dụng thiết bị điện tử một cách an toàn, hợp lý.

Quá trình TĐG được thực hiện thông qua việc thu thập, phân tích số liệu thực tế về cơ sở hạ tầng CNTT, mức độ ứng dụng công nghệ trong giảng dạy, khả năng tiếp cận và sử dụng công nghệ của cán bộ, giáo viên. Qua việc TĐG nhà trường xác định rõ thực trạng chất lượng CĐS theo yêu cầu các tiêu chí đã qui định. Và xác định rõ được những điểm yếu để đề ra phương hướng khắc phục cho năm học tiếp theo.

## **B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

### **I. Tiêu chí 1**

**Tiêu chí 1: Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số (CĐS)**

#### **I. Mở đầu:**

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số (CĐS) trong giáo dục là xu thế tất yếu, góp phần nâng cao chất lượng quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, đặc biệt đối với cấp học mầm non.

Nhận thức rõ vai trò và ý nghĩa của CĐS, Trường Mầm non Nam Hồng đã chủ động xây dựng và triển khai các kế hoạch ứng dụng CNTT phù hợp với điều

kiện thực tế của nhà trường. Việc ứng dụng CNTT không chỉ hỗ trợ đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng “lấy trẻ làm trung tâm”, mà còn nâng cao hiệu quả công tác quản lý, tăng cường sự kết nối giữa nhà trường – gia đình – xã hội.

Chuyển đổi số trong giáo dục mầm non được nhà trường xác định là quá trình ứng dụng công nghệ số vào toàn bộ hoạt động quản lý và tổ chức chăm sóc, giáo dục trẻ. Nội dung thực hiện bao gồm: số hóa hồ sơ, quản lý dữ liệu cán bộ, giáo viên, trẻ em; ứng dụng phần mềm trong quản lý và giảng dạy; tăng cường sử dụng thiết bị công nghệ (máy tính, máy chiếu, internet, phần mềm giáo dục...) nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và xây dựng môi trường học tập hiện đại, an toàn, thân thiện với trẻ.

**Tiêu chí 1: Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số (CDS) nhằm nâng cao chất lượng trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và quản trị cơ sở giáo dục mầm non (ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch hằng năm)**

### **1. Mô tả hiện trạng:**

Nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch số 89/KH-MNNH ngày 19/9/2025 về việc thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025-2026 ngay từ đầu năm học.

Nhà trường ban hành Quyết định 90/QĐ-MNNH ngày 19/09/2025 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyển đổi số và tổ CNTT trường Mầm non Nam Hồng đến năm học 2025-2026.

Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT và CDS được xây dựng và công bố trên cổng thông tin điện tử (Website) trường mầm non Nam Hồng ngay từ đầu năm học.

Kế hoạch xây dựng của nhà trường phù hợp điều kiện thực tế của trường, lớp; phù hợp với Kế hoạch phát triển chương trình giáo dục nhà trường.

### **2. Điểm mạnh**

Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT và CDS được xây dựng và công bố trên cổng thông tin điện tử (Website) trường mầm non Nam Hồng ngay từ đầu năm học; công tác tuyên truyền, triển khai việc thực hiện UDCNTT và CDS tới CBGVNV nhà trường được thể hiện trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026; công tác tuyên truyền tới PHHS về các phương thức thanh toán không sử dụng tiền mặt, sử dụng App VneduConnect kết nối giữa gia đình và nhà trường thể hiện qua biên bản họp phụ huynh đầu năm học.

Nội dung kế hoạch bám sát quy định hiện hành, các văn bản hướng dẫn của cấp trên, của Sở GDĐT tỉnh Ninh Bình và Phòng Văn hóa - xã hội.

Nhà trường có sự đầu tư vào hạ tầng CNTT (thiết bị, kết nối mạng, phần mềm hỗ trợ...) như:

- Nhà trường đã phối kết hợp với công ty Viettel, VNPT lắp đặt mạng Internet cho cả 03 điểm trường, kết nối mạng có dây, không dây phục vụ cho công tác quản lý, dạy và học của giáo viên và học sinh nhà trường, nhà trường đã sử dụng một số phần mềm như: QLVBDH, CSDL ngành, CCVC, VnEdu, Misa, DTsoft....Định kì rà soát, nâng cấp các phần mềm, sửa chữa các trang thiết bị CNTT của nhà trường kịp thời.

100% Đội ngũ cán bộ, giáo viên nhà trường có chứng chỉ về ứng dụng CNTT cơ bản, có tinh thần học hỏi, áp dụng CNTT trong quản lý, giảng dạy.

Nhà trường đã thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, rõ trách nhiệm. Có phân công lãnh đạo phụ trách, rõ nội dung của cán bộ quản lý thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

Tổ chức quán triệt các văn bản quy phạm pháp luật về CNTT tới 100% CBGVNV trong nhà trường. Làm tốt công tác tuyên truyền, hướng dẫn để CBGVNV khai thác, sử dụng, đóng góp tài nguyên trên các website của Sở, Phòng, nhà trường, tuyên truyền tới phụ huynh học sinh toàn trường về sử dụng quét mã QR để thanh toán không dùng tiền mặt.

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng CNTT cho toàn thể CBGVNV về CNTT, CDS và thống kê giáo dục định kỳ hàng năm.

### **3. Điểm yếu**

- Nhà trường có 03 điểm trường đặt tại 3 khu (Hồng An, Tiến Thịnh, Cát Đại) nên việc chỉ đạo còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế trong quá trình triển khai.

- Một số giáo viên cao tuổi nên việc cập nhật, ứng dụng CNTT vào giảng dạy còn hạn chế.

- Hạ tầng và trang thiết bị CNTT phục vụ quản lý và dạy - học chưa đồng bộ, đường truyền mạng đôi lúc không ổn định gây ảnh hưởng đến công tác quản lý của nhà trường, giảng dạy của giáo viên. Thiếu một số trang thiết bị tiên tiến, hiện đại.

- Kinh phí đầu tư cho CDS còn hạn chế.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

<b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>	<b>Nhân lực thực hiện</b> <i>(chủ trì/phối hợp/giám sát)</i>	<b>Điều kiện để thực hiện</b>	<b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b>	<b>Dự kiến kinh phí</b>
Rà soát và cập nhật kế hoạch để đảm bảo tính phù hợp với thực tiễn nhà trường.	BGH	Có kế hoạch	Hàng năm	
Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực số cho CBGVNV	BGH, Tổ CNTT	Có đội ngũ báo cáo viên, tài liệu tập huấn phù hợp	Hàng năm	5 triệu đồng
Tham mưu đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT, thiết bị dạy học	- BGH, các cấp,	Ngân sách, nguồn XHH	Năm học 2026-2027 và các năm tiếp theo	50 triệu đồng

### 5. Tự đánh giá:

<b>Chỉ số</b>	<b>Điểm</b>
1. Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số (CDS).	Đạt (điều kiện bắt buộc)

#### **Kết luận tiêu chí 1:**

Trường Mầm non Nam Hồng đã ban hành và triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT và chuyển đổi số một cách bài bản, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, giảng dạy và chăm sóc trẻ. Kế hoạch được xây dựng phù hợp với định hướng chung của ngành giáo dục và điều kiện thực tế của nhà trường.

Tuy nhiên, để phát huy tối đa hiệu quả của kế hoạch, nhà trường sẽ tiếp tục tập trung vào bồi dưỡng chuyên môn về CNTT, xây dựng đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật và nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ, hướng đến mục tiêu tăng cường ứng dụng số hóa trong mọi hoạt động của nhà trường.

**Kết luận tiêu chí 1: Đạt Mức độ 3 - Đạt yêu cầu theo điều kiện bắt buộc.**

## **II. Tiêu chí 2: Triển khai ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ**

### **Mở đầu**

Trong xu thế chuyển đổi số giáo dục, việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào công tác quản trị và giáo dục mầm non đã trở thành nhiệm vụ trọng tâm. Giai đoạn mầm non là nền tảng cốt lõi cho sự phát triển toàn diện của trẻ, đòi hỏi sự chính xác và khoa học trong việc quản lý dữ liệu học sinh, theo dõi sức khỏe và tổ chức hoạt động giáo dục. Việc triển khai các ứng dụng quản trị không chỉ giúp tối ưu hóa bộ máy vận hành mà còn xây dựng một hệ sinh thái giáo dục hiện đại. Đây chính là sợi dây liên kết chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội, nhằm kiến tạo môi trường phát triển tốt nhất cho học sinh, đồng thời nâng cao uy tín và chất lượng giáo dục của nhà trường.

### **Tiêu chí 2.1: Quản lý thông tin trẻ em**

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Nhà trường đã chủ động thực hiện số hóa hoàn toàn công tác quản lý thông tin trẻ thông qua hệ thống Quản lý nhà trường VnEdu và Cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành. Hệ thống này cho phép lưu trữ và quản lý đồng bộ hồ sơ cá nhân, từ thông tin lý lịch, tình trạng sức khỏe đến quá trình học tập của trẻ. Mọi dữ liệu được nhập liệu tập trung, giúp việc truy xuất thông tin và tổng hợp báo cáo phục vụ công tác chuyên môn luôn đảm bảo tính kịp thời và chính xác.

#### **2. Điểm mạnh**

Quản lý dữ liệu khoa học và đồng bộ: Thông tin được số hóa trên nền tảng điện tử, giúp việc lưu trữ ổn định, bảo mật và tra cứu thuận tiện hơn so với phương thức truyền thống.

Theo dõi sát sao sự phát triển của trẻ: Việc tích hợp các chỉ số về dinh dưỡng, sức khỏe trên phần mềm giúp giáo viên và nhà trường có cái nhìn tổng thể, từ đó phối hợp nhịp nhàng với phụ huynh trong việc chăm sóc trẻ.

Tối ưu hóa công tác báo cáo: Hệ thống hỗ trợ xuất dữ liệu, tổng hợp số liệu thống kê nhanh chóng, phục vụ hiệu quả cho công tác thanh tra, kiểm tra và báo cáo định kỳ.

Cảnh báo và can thiệp kịp thời: Thông qua các biểu đồ tăng trưởng trên hệ thống, nhà trường dễ dàng nhận diện trẻ có nguy cơ suy dinh dưỡng hoặc béo phì để đưa ra chế độ chăm sóc đặc biệt.

Giảm áp lực hành chính: Việc hệ thống hóa dữ liệu giúp giảm bớt gánh nặng về sổ sách, hồ sơ giấy tờ, giúp giáo viên tập trung hơn vào công tác chuyên môn và tương tác với trẻ.

### 3. Điểm yếu

Tính khách quan của dữ liệu: Chất lượng đầu ra của hệ thống vẫn phụ thuộc lớn vào sự cẩn trọng trong khâu nhập liệu ban đầu của giáo viên và nhân viên y tế; sai sót nhỏ trong thao tác có thể dẫn đến đánh giá chưa phản ánh đúng thực trạng.

Sự chênh lệch về kỹ năng công nghệ: Một bộ phận phụ huynh chưa thành thạo trong việc sử dụng công nghệ hoặc thiếu phương tiện tiếp cận, gây ra những rào cản nhất định trong việc tương tác và cập nhật thông tin hai chiều giữa gia đình và nhà trường.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

<b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>	<b>Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)</b>	<b>Điều kiện để thực hiện</b>	<b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b>	<b>Dự kiến kinh phí</b>
- Cải tiến việc nhập và quản lý dữ liệu: Kiểm tra, rà soát dữ liệu trên VnEdu, CSDL ngành để đảm bảo thông tin chính xác; Xây dựng quy trình nhập liệu chặt chẽ, có phân công trách nhiệm rõ ràng để hạn chế sai sót; Định kỳ kiểm tra, đối chiếu dữ liệu giữa các hệ thống để phát hiện và điều chỉnh kịp thời.	Ban chỉ đạo CDS (chủ trì) CB, GV, NV (thực hiện) BGH (giám sát)	Có hệ thống mạng ổn định; PM quản lý (VnEdu, CSDL ngành) hoạt động hiệu quả; nhân sự được tập huấn kỹ năng nhập và xử lý dữ liệu.	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo.	2.000.000 - 3.000.000 đồng/năm (cho tập huấn, kiểm tra định kỳ, hỗ trợ kỹ thuật)
- Khảo sát, phân loại mức độ tiếp cận công nghệ của phụ huynh. - Tổ chức buổi hướng dẫn ngắn (trực tiếp hoặc online) cho phụ huynh về cách sử dụng các nền tảng mà nhà trường đang áp dụng (VnEdu, Zalo nhóm lớp, ứng dụng Vneduconnect...) - Phát tài liệu hướng dẫn sử dụng đơn giản, minh họa trực quan để phụ huynh dễ	Ban giám hiệu, Ban chỉ đạo CDS (chủ trì); giáo viên chủ nhiệm, cán bộ CNTT (phối hợp); Ban đại diện cha mẹ học sinh (tham	Cần có thiết bị kết nối mạng tại trường; giáo viên được tập huấn cơ bản về công nghệ; phụ huynh có thiết bị di động và sẵn sàng hợp tác.	Thực hiện trong học kỳ I năm học 2025–2026; duy trì và cập nhật thường xuyên các năm tiếp theo	2.000.000 - 4.000.000 đồng/năm (cho tài liệu, tổ chức tập huấn, hỗ trợ kỹ thuật)

<b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>	<b>Nhân lực thực hiện</b> ( <i>chủ trì/ phối hợp/ giám sát</i> )	<b>Điều kiện để thực hiện</b>	<b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b>	<b>Dự kiến kinh phí</b>
hiểu và thao tác được. - Tạo nhóm Zalo hoặc Facebook lớp với sự quản lý của giáo viên chủ nhiệm để cập nhật thông tin nhanh, thân thiện với phần lớn phụ huynh.	gia giám sát, hỗ trợ)			

#### **4. Tự đánh giá:**

Chỉ số	Điểm
2.1 Quản lý thông tin trẻ em	5

### **Tiêu chí 2.2 Quản lý thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em**

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Trường Mầm non Nam Hồng nhận thức rõ tầm quan trọng của việc theo dõi sức khỏe trẻ em trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Việc quản lý thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em mầm non hiện nay tại trường mầm non Nam Hồng thực hiện qua sổ sách và phần mềm. Hiện nay, nhà trường đang sử dụng hệ thống quản lý Nhà trường VnEdu, CSDL ngành để cập nhật, lưu trữ thông tin sức khỏe của trẻ, bao gồm chỉ số chiều cao, cân nặng, lịch sử bệnh tật và tình trạng sức khỏe định kỳ. Dữ liệu này được cập nhật thường xuyên bởi giáo viên nhằm theo dõi sát sao sự phát triển thể chất của trẻ và có những điều chỉnh phù hợp.

Hệ thống quản lý Nhà trường VnEdu, CSDL giúp nhà trường quản lý hồ sơ sức khỏe một cách khoa học, hỗ trợ cán bộ y tế trong việc đánh giá thể trạng của trẻ theo từng giai đoạn. Nhờ đó, giáo viên có thể chủ động trao đổi với phụ huynh về tình hình sức khỏe của trẻ, đồng thời phối hợp với nhân viên y tế để đưa ra những biện pháp chăm sóc kịp thời. Tuy nhiên, quá trình cập nhật thông tin trên hệ thống hiện nay khi chấm biểu đồ yêu cầu về chỉ số chiều cao cân nặng bị lệch so với biểu đồ chuẩn.

#### **2. Điểm mạnh**

Công tác quản lý thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em tại Trường Mầm non Nam Hồng đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận. Việc ứng dụng Hệ thống quản lý nhà trường VnEdu, CSDL ngành giúp nhà trường có thể theo dõi tình trạng sức khỏe của từng học sinh một cách hệ thống và đầy đủ.

Dữ liệu sức khỏe của trẻ được cập nhật định kỳ, giúp giáo viên và nhân viên y tế kịp thời phát hiện những thay đổi bất thường để có biện pháp can thiệp sớm. Nhờ có hệ thống lưu trữ trực tuyến, thông tin sức khỏe của trẻ luôn được bảo mật và có thể truy xuất nhanh chóng khi cần thiết.

Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa giáo viên, nhân viên y tế và phụ huynh trong việc theo dõi sức khỏe của trẻ đã có những chuyển biến tích cực. Giáo viên thường xuyên cập nhật tình trạng sức khỏe của trẻ qua các ứng dụng như: Zalo, VneduConnect... giúp phụ huynh nắm bắt kịp thời và phối hợp chăm sóc trẻ tốt hơn.

### 3. Điểm yếu

Mặc dù hệ thống quản lý sức khỏe học sinh đã mang lại nhiều lợi ích trong việc theo dõi, cập nhật và quản lý tình trạng sức khỏe của trẻ, tuy nhiên trong quá trình triển khai thực tế tại nhà trường vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần được khắc phục để nâng cao hiệu quả sử dụng:

- Việc nhập liệu sức khỏe hiện vẫn thực hiện thủ công, chủ yếu do giáo viên các nhóm, lớp đảm nhiệm. Điều này không chỉ gây mất nhiều thời gian mà còn tiềm ẩn nguy cơ sai sót trong quá trình cập nhật thông tin (sai lệch số liệu, nhầm lẫn giữa các học sinh...).

- Phần mềm quản lý sức khỏe chưa tối ưu, cụ thể là tình trạng sai lệch chỉ số khi hệ thống chấm biểu đồ chiều cao, cân nặng của trẻ so với biểu đồ chuẩn, gây khó khăn trong việc đánh giá chính xác thể trạng của trẻ.

- Một số phụ huynh chưa biết cách sử dụng các ứng dụng theo dõi sức khỏe trẻ em, dẫn đến việc không thể khai thác đầy đủ các tính năng hữu ích từ phần mềm, làm giảm hiệu quả phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc theo dõi, chăm sóc sức khỏe trẻ.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

<b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>	<b>Nhân lực thực hiện</b> ( <i>chủ trì/ phối hợp/ giám sát</i> )	<b>Điều kiện để thực hiện</b>	<b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b>	<b>Dự kiến kinh phí</b>
- Tổ chức các buổi tập huấn dành cho giáo viên và nhân viên y tế kiêm nhiệm về cách sử dụng hệ thống quản lý sức khỏe học sinh một cách hiệu quả, đặc biệt là các	Ban CDS (chủ trì); giáo viên, nhân viên y tế (tham gia); bộ phận công nghệ thông tin và Ban chỉ đạo CDS	Có sự phối hợp với đơn vị cung cấp phần mềm; giáo viên và nhân viên y tế, có thiết bị truy cập và sẵn sàng tham gia tập huấn	Thực hiện trong học kỳ I năm học 2025–2026; rà soát, điều chỉnh phần mềm và duy trì tập huấn hàng năm	3.000.000 - 5.000.000 đồng (cho tập huấn, tài liệu, liên hệ nhà cung cấp phần mềm)

<b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>	<b>Nhân lực thực hiện</b> ( <i>chủ trì/ phối hợp/ giám sát</i> )	<b>Điều kiện để thực hiện</b>	<b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b>	<b>Dự kiến kinh phí</b>
phương pháp nhập liệu nhanh chóng, chính xác.	(phối hợp, giám sát)			
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuyên truyền hướng dẫn phụ huynh cách sử dụng ứng dụng theo dõi sức khỏe trẻ em qua zalo, VnEduConnect.</li> <li>- Tổ chức buổi gặp mặt hoặc chia sẻ trực tuyến, phát video/tài liệu hướng dẫn minh họa cách xem và hiểu các chỉ số sức khỏe của trẻ trên hệ thống.</li> <li>- Giáo viên chủ nhiệm thường xuyên hỗ trợ, giải đáp thắc mắc khi phụ huynh gặp khó khăn trong quá trình sử dụng.</li> </ul>	Ban CDS (chủ trì); giáo viên chủ nhiệm, cán bộ CNTT (phối hợp); Ban đại diện cha mẹ học sinh (tham gia, hỗ trợ)	Phụ huynh có điện thoại thông minh; nhà trường có tài liệu hướng dẫn đơn giản, dễ hiểu; giáo viên được tập huấn kỹ năng tư vấn, hỗ trợ công nghệ	Năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	1.000.000 - 2.000.000 đồng/năm (in tài liệu, video hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật)

#### **4. Tự đánh giá**

Chỉ số	Điểm
2.2 Quản lý thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em	5

#### **Tiêu chí 2.3 Quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

##### **1. Mô tả hiện trạng**

Công tác quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại trường Mầm non Nam Hồng đã được số hóa đồng bộ nhằm đảm bảo tính chính xác, minh bạch và thuận tiện trong việc tra cứu, cập nhật và báo cáo. Nhà trường hiện đang sử dụng đồng bộ các nền tảng, hệ thống công nghệ gồm:

- Phần mềm (VnEdu - Hệ thống quản lý nhà trường): Giúp lưu trữ và theo dõi thông tin đầy đủ của từng cán bộ, giáo viên, nhân viên như: Quản lý lý lịch, trình độ chuyên môn, chứng chỉ, quá trình công tác, kết quả đánh giá hàng năm và các thông tin liên quan đến nhân sự. Việc cập nhật và quản lý dữ liệu này được thực hiện thường xuyên bởi bộ phận hành chính theo phân quyền cụ thể.

- Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục (CSDL ngành): Là kênh kết nối dữ liệu trực tiếp, hệ thống liên thông dữ liệu: từ Vnedu trường - CSDL ngành của Sở GD&ĐT tỉnh Ninh Bình - CSDL ngành của Bộ Giáo dục. Việc cập nhật tình trạng công tác, điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, nghỉ hưu... được thực hiện đồng bộ trên hệ thống, đảm bảo tính thống nhất giữa cấp trường và cấp quản lý.

- Phần mềm VNPT CCVC (Cán bộ - Công chức - Viên chức): là nền tảng hỗ trợ quản lý, lưu trữ và kết nối hồ sơ cán bộ, viên chức với cơ quan cấp trên; hỗ trợ các thủ tục như bổ nhiệm, nâng lương, điều động... hạn chế tối đa việc gửi báo cáo thủ công, đồng thời rút ngắn thời gian truy xuất thông tin cán bộ khi cần thiết.

Nhờ vậy, công tác quản lý nhân sự được thực hiện bài bản, chính xác, hỗ trợ tốt cho các hoạt động hành chính, đào tạo, đánh giá và phát triển đội ngũ.

Nhờ việc áp dụng các hệ thống trên, nhà trường đã:

- Tiết kiệm thời gian trong việc tra cứu, báo cáo, lập danh sách nhân sự phục vụ cho các kỳ thanh tra, kiểm tra, xét thi đua...

- Nâng cao tính chính xác và giảm thiểu tối đa các sai sót trong hồ sơ cán bộ so với phương pháp quản lý giấy tờ trước đây.

- Đảm bảo tính bảo mật và cập nhật kịp thời các chế độ chính sách cho đội ngũ theo đúng quy định.

## **2. Điểm mạnh**

- Hệ thống dữ liệu nhân sự được lưu trữ và quản lý tập trung, đảm bảo cập nhật kịp thời, chính xác và dễ tra cứu.

- Các phần mềm hỗ trợ như VnEdu, VNPT CCVC giúp nhà trường thực hiện thủ tục hành chính nhanh chóng (xét nâng lương, khen thưởng, kỷ luật...).

- Việc chuyển đổi số hoàn toàn hồ sơ trẻ, giáo viên và nhân viên giúp nhà trường tiết kiệm thời gian, giảm nhân lực và đảm bảo tính công khai, minh bạch.

## **3. Điểm yếu**

- Dữ liệu chưa được đồng bộ hoàn toàn giữa các hệ thống (VnEdu và VNPT CCVC, CSDL của Sở - CSDL của Bộ), gây mất thời gian do phải nhập liệu lặp lại và đối chiếu thủ công.

- Một số cán bộ, giáo viên, nhân viên còn hạn chế kỹ năng số, chưa khai thác tối đa chức năng phần mềm, chưa cập nhật đúng thời gian đã quy định, dễ xảy ra lỗi nhập liệu như việc: không cập nhật được mật khẩu tài khoản bảo mật cá nhân, nhập thiếu, sai thông tin cá nhân.

- Lưu trữ hồ sơ điện tử chưa triệt để: vẫn còn duy trì song song hồ sơ bản cứng, gây lãng phí thời gian và công sức tìm kiếm khi cần trích xuất.

#### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

<b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>	<b>Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)</b>	<b>Điều kiện để thực hiện</b>	<b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b>	<b>Dự kiến kinh phí</b>
<p>- Đề xuất đồng bộ hệ thống dữ liệu giữa VnEdu - CSDL của Sở/Bộ:</p> <p>+ Lập báo cáo đề xuất gửi Sở GDĐT về việc liên thông, tích hợp dữ liệu.</p> <p>+ Kiến nghị đơn vị cung cấp phần mềm cải tiến, nâng cấp chức năng liên kết dữ liệu.</p>	BGH, Ban CDS	Sự phối hợp, hỗ trợ từ đơn vị cung cấp phần mềm và Sở GDĐT	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không (chi phí hỗ trợ từ cấp trên hoặc nhà cung cấp phần mềm)
<p>- Tổ chức tập huấn kỹ năng sử dụng phần mềm quản lý nhân sự cho CB, GV, NV:</p> <p>+ Nội dung: Cách cập nhật dữ liệu đúng hạn, bảo mật tài khoản, khắc phục lỗi nhập sai thông tin cá nhân.</p> <p>+ Có tài liệu minh họa kèm thực hành trực tiếp trên phần mềm.</p>	BGH, Ban CDS CB, GV, NV	Máy tính, tài khoản truy cập phần mềm đầy đủ	Định kỳ hằng năm	1.000.000 - 2.000.000đ (phí in tài liệu, hỗ trợ báo cáo viên nội bộ)

<b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>	<b>Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)</b>	<b>Điều kiện để thực hiện</b>	<b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b>	<b>Dự kiến kinh phí</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng và ban hành quy trình cập nhật, kiểm tra dữ liệu định kỳ:</li> <li>+ Phân công rõ trách nhiệm cập nhật thông tin cá nhân.</li> <li>+ Kiểm tra đối chiếu định kỳ hàng quý để phát hiện và xử lý lỗi nhập liệu.</li> </ul>	BGH, Ban CDS	Có thời gian và kế hoạch phân công rõ ràng theo tuần/tháng	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từng bước chuyển đổi hoàn toàn sang lưu trữ hồ sơ điện tử, hạn chế sử dụng hồ sơ giấy:</li> <li>+ Rà soát và scan toàn bộ hồ sơ còn lưu bản cứng.</li> <li>+ Sử dụng phần mềm ký số (VNPT SmartCA; Viettel CA..) để mã hóa, quản lý an toàn hồ sơ.</li> </ul>	BGH, Ban CDS, tổ VP)	Máy scan, phần mềm ký số, tài khoản truy cập hệ thống lưu trữ	Thực hiện theo giai đoạn. Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	2.000.000 - 3.000.000đ (nâng cấp thiết bị, giấy tờ in sao lưu dự phòng)

### 3. Tự đánh giá

Chỉ số	Điểm
2.3 Quản lý thông tin CBQL, giáo viên, nhân viên	5

### Tiêu chí 2.4 Quản lý thông tin y tế trường học

#### 1. Mô tả hiện trạng

Trường Mầm non Nam Hồng xác định công tác y tế trường học là nhiệm vụ quan trọng trong việc chăm sóc, theo dõi và đảm bảo sức khỏe toàn diện cho trẻ. Hiện nay, nhà trường đang sử dụng phần mềm VnEdu của tập đoàn VNPT, PM CSDL ngành vào công tác quản lý thông tin y tế học sinh nhằm số hóa dữ liệu và nâng cao hiệu quả quản lý.

Việc giám sát và cập nhật tình trạng sức khỏe của trẻ được triển khai thường xuyên và liên tục, thông qua sự phối hợp chặt chẽ giữa giáo viên chủ

nhệm, nhân viên y tế và phụ huynh. Các thông tin y tế cơ bản của trẻ như: chiều cao, cân nặng định kỳ, các vấn đề sức khỏe đặc biệt, bệnh lý cá nhân được giáo viên chủ nhiệm cập nhật trên phần mềm VnEdu của nhóm. lớp. Khi có tình huống sức khỏe bất thường xảy ra, giáo viên sẽ lập tức thông báo cho phụ huynh thông qua hệ thống liên lạc điện tử VnEduConnect của phụ huynh hoặc nhóm Zalo lớp, đồng thời phối hợp với nhân viên y tế để có hướng xử lý phù hợp.

Nhà trường cũng thực hiện khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm cho 100% trẻ, phối hợp với Trạm Y tế xã Nam Hồng và đội ngũ y bác sĩ có chuyên môn để theo dõi sự phát triển thể chất, tầm soát bệnh tật, đồng thời tổ chức tiêm chủng theo kế hoạch của ngành Y tế.

Ngoài ra, các hoạt động tuyên truyền về dinh dưỡng, vệ sinh cá nhân, phòng bệnh theo mùa cũng được tích hợp vào các hoạt động học tập và sinh hoạt hàng ngày của trẻ, giúp nâng cao nhận thức và hình thành thói quen chăm sóc sức khỏe ngay từ lứa tuổi mầm non.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, công tác quản lý thông tin y tế vẫn còn tồn tại một số bất cập. Hiện nay, việc nhập dữ liệu sức khỏe vẫn chủ yếu thực hiện thủ công do giáo viên đảm nhiệm, gây mất nhiều thời gian và có thể dẫn đến sai sót khi tổng hợp thông tin. Bên cạnh đó, một số dữ liệu y tế quan trọng như tiền sử bệnh lý, lịch sử tiêm chủng, tình trạng bệnh mãn tính của trẻ chưa được tích hợp vào phần mềm, mà giáo viên vẫn phải theo dõi qua sổ sức khỏe bằng giấy. Điều này gây khó khăn trong việc tra cứu thông tin tổng hợp, ảnh hưởng đến việc quản lý sức khỏe toàn diện và liên tục của trẻ.

## **2. Điểm mạnh**

Việc ứng dụng phần mềm VnEdu trong quản lý y tế học sinh giúp nhà trường lưu trữ, quản lý và tra cứu thông tin một cách nhanh chóng, thuận tiện, giảm thiểu phụ thuộc vào hồ sơ giấy.

Công tác phối hợp giữa giáo viên, nhân viên y tế và phụ huynh được thực hiện tốt, đảm bảo việc phát hiện và xử lý kịp thời các tình huống sức khỏe bất thường, đảm bảo an toàn cho trẻ.

Khám sức khỏe định kỳ được tổ chức thường xuyên, có kế hoạch rõ ràng, có sự phối hợp tốt với Trạm y tế xã, góp phần theo dõi sát tình trạng phát triển thể chất và phòng ngừa bệnh tật cho trẻ.

Hoạt động tuyên truyền giáo dục chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh cá nhân, dinh dưỡng được lồng ghép thường xuyên vào hoạt động giáo dục, góp phần nâng cao nhận thức và hình thành thói quen tốt cho trẻ, nâng cao hiểu biết cho phụ huynh.

### 3. Điểm yếu

- Nhà trường chưa có nhân viên y tế chuyên trách, công tác y tế do giáo viên kiêm nhiệm nên còn hạn chế về chuyên môn, kỹ năng xử lý các tình huống khẩn cấp.

- Việc nhập liệu sức khỏe của trẻ do giáo viên các nhóm, lớp đảm nhiệm còn nhập thủ công, nhập liệu lặp đi lặp lại gây mất thời gian cho giáo viên, dẫn đến nguy cơ sai sót, cập nhật chậm hoặc tích thiếu thông tin.

- Hệ thống phần mềm đôi khi xảy ra lỗi kỹ thuật, gây khó khăn trong việc đánh giá đúng tình trạng sức khỏe của trẻ.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

<b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>	<b>Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)</b>	<b>Điều kiện để thực hiện</b>	<b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b>	<b>Dự kiến kinh phí</b>
Tham mưu UBND xã cử nhân viên y tế hỗ trợ chuyên môn định kỳ (tháng/quý)	Hiệu trưởng (chủ trì) Phối hợp Trạm Y tế xã.	Có văn bản đề xuất, sự hỗ trợ từ cấp trên	Năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không
Đề xuất nhà cung cấp VNPT - VnEdu cập nhật, cải thiện tính năng phần mềm y tế	Hiệu trưởng (chủ trì) Nhà cung cấp VNPT (thực hiện)	Phản ánh lỗi kèm minh chứng, làm việc trực tiếp với VNPT	Năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không

### 5. Tự đánh giá

Chỉ số	Điểm
2.4 Quản lý thông tin y tế trường học	4.5

#### Tiêu chí 2.5 Quản lý thông tin phổ cập giáo dục

##### 1. Mô tả hiện trạng

Trường mầm non Nam Hồng đã thực hiện tốt công tác quản lý thông tin phổ cập giáo dục (Từ 0-5T) thông qua việc ứng dụng hiệu quả CNTT trong quá trình nhập liệu, lưu trữ và tổng hợp số liệu. Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi tại trường mầm non Nam Hồng được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, nhằm đảm bảo quyền được học tập của trẻ và nâng cao chất lượng

giáo dục trên địa bàn xã. Nhà trường thực hiện công tác quản lý thông tin phổ cập giáo dục theo đúng hướng dẫn của các cấp.

Nhà trường sử dụng trang tính Google Sheets (Google Excel) nhằm thuận tiện trong việc nhập liệu, lưu trữ, chia sẻ, cập nhật và thống kê nhanh số liệu giữa các thành viên trong tổ phổ cập, giúp nhà trường kiểm soát chính xác tình hình huy động trẻ đến trường, tỷ lệ trẻ hoàn thành chương trình giáo dục mầm non, cũng như các điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ công tác phổ cập. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổng hợp dữ liệu kịp thời, chính xác, phục vụ cho công tác báo cáo và kiểm tra Phổ cập.

Dữ liệu phổ cập được thống kê, tổng hợp theo 16 xóm trên toàn địa bàn xã Nam Hồng. Việc phân chia theo địa bàn cụ thể giúp nhà trường dễ dàng theo dõi, đối chiếu và thực hiện các biện pháp phù hợp để đảm bảo 100% trẻ em trong độ tuổi được huy động đến trường.

Công tác cập nhật và kiểm tra dữ liệu phổ cập được thực hiện định kỳ hằng năm, có sự phối hợp chặt chẽ với Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục xã, các xóm và các lực lượng liên quan nhằm đảm bảo tính đầy đủ, minh bạch và chính xác của thông tin.

## **2. Điểm mạnh**

Công tác quản lý thông tin phổ cập giáo dục đã được triển khai bài bản, có sự phối hợp hiệu quả giữa nhà trường, chính quyền địa phương và các đoàn thể trên địa bàn xã.

Việc sử dụng trang tính Google Sheets giúp nhà trường linh hoạt trong cập nhật, lưu trữ và tổng hợp thông tin, phục vụ nhanh chóng cho công tác báo cáo, kiểm tra, đối chiếu số liệu.

Nhà trường thường xuyên cập nhật số liệu, nhờ đó theo dõi sát sao tình hình huy động, hoàn thành chương trình của trẻ 5 tuổi, kịp thời có biện pháp tuyên truyền, vận động phụ huynh cho trẻ đến trường đầy đủ.

Có hệ thống lưu trữ dữ liệu theo năm học rõ ràng, dễ dàng truy xuất phục vụ thanh tra, kiểm tra.

## **3. Điểm yếu**

Việc cập nhật số liệu trên Google Sheets vẫn còn thủ công, gây mất thời gian trong công tác nhập liệu và thống kê.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

<b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>	<b>Nhân lực thực hiện</b> ( <i>chủ trì/ phối hợp/ giám sát</i> )	<b>Điều kiện để thực hiện</b>	<b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b>	<b>Dự kiến kinh phí</b>
Tham mưu UBND xã, Sở GDĐT về chủ trương xây dựng phần mềm phổ cập riêng để nâng cao hiệu quả quản lý dữ liệu.	BGH	Có văn bản tham mưu các cấp	Năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	

### **3. Tự đánh giá**

Chỉ số	Điểm
2.5 Quản lý thông tin phổ cập giáo dục	4

## **Tiêu chí 2.6 Quản lý thông tin tài sản, tài chính**

### **1. Mô tả hiện trạng**

Nhằm đảm bảo công tác quản lý tài chính và tài sản một cách khoa học, minh bạch, Trường Mầm non Nam Hồng đã tích cực UDCNTT vào công tác quản lý. Hiện nay, nhà trường sử dụng phần mềm MISA Mimosa.net (phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp) để thực hiện quản lý tài chính, đảm bảo việc thu - chi được minh bạch, chính xác và tuân thủ đầy đủ quy định của ngành giáo dục.

Song song với đó, công tác quản lý tài sản cũng được chú trọng với việc sử dụng phần mềm MISA QLTS để theo dõi toàn bộ tài sản, công cụ, dụng cụ, thiết bị phục vụ cho giảng dạy và chăm sóc trẻ. Hệ thống này hỗ trợ nhà trường cập nhật thông tin, kiểm kê và giám sát tình trạng sử dụng tài sản một cách khoa học, giúp Ban Giám hiệu kịp thời đề xuất bảo trì hoặc mua sắm khi cần thiết.

Nhà trường cũng đã đưa vào vận hành hệ thống quản lý thu - chi học sinh (QLTC), thực hiện đầy đủ quy trình từ lập kế hoạch ngân sách, dự toán chi phí, hạch toán thu - chi đến báo cáo tài chính định kỳ. Việc thu học phí từng bước được triển khai theo hướng không dùng tiền mặt, góp phần hạn chế sai sót và nâng cao tính minh bạch.

### **2. Điểm mạnh**

Việc sử dụng phần mềm MISA Mimosa.net và MISA QLTS đã giúp nhà trường quản lý hiệu quả các nguồn tài chính và tài sản hiện có. Các khoản thu - chi được theo dõi rõ ràng, báo cáo tài chính được lập đầy đủ, giúp Ban Giám hiệu chủ động cân đối ngân sách.

Công tác quản lý tài sản được thực hiện có hệ thống, giúp ghi nhận đầy đủ tình trạng cơ sở vật chất như bàn ghế, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, phục vụ kịp thời cho hoạt động giảng dạy và chăm sóc trẻ.

Việc kiểm kê tài sản định kỳ giúp phát hiện và xử lý kịp thời các thiết bị hư hỏng.

Hệ thống thu - chi học sinh được triển khai đúng quy trình, từng bước thực hiện thu học phí không dùng tiền mặt, góp phần giảm thiểu sai sót và tăng tính minh bạch trong quản lý tài chính.

Công tác kế toán và quản lý tài sản được thực hiện theo đúng quy định, có sự kiểm tra, giám sát định kỳ từ Ban Giám hiệu và cơ quan quản lý cấp trên.

Nhà trường đã thực hiện được việc thu các khoản tiền bằng cách thanh toán qua mã QR

### 3. Điểm yếu

Việc triển khai thu tiền nuôi ăn bán trú không dùng tiền mặt mới thực hiện được ở khu số 1 và khu số 3. Khu số 2 phụ huynh chưa hoàn toàn làm quen với hình thức này, một số phụ huynh chưa sử dụng được điện thoại thông minh nên việc thanh toán qua mã QR của trẻ còn gặp khó khăn.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

<b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>	<b>Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)</b>	<b>Điều kiện để thực hiện</b>	<b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b>	<b>Dự kiến kinh phí</b>
-Tổ chức tuyên truyền, phổ biến hình thức thu học phí không dùng tiền mặt tại các buổi họp phụ huynh. - Hướng dẫn trực tiếp/ gửi video phụ huynh cách thanh toán bằng mã QR. - Cử giáo viên hỗ trợ phụ huynh chưa quen sử dụng điện thoại thông minh vào giờ đón – trả trẻ.	BGH, CBGV, NV kế toán	Kế toán, Giáo viên và phụ huynh hợp tác thực hiện	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	

### 5. Tự đánh giá

<b>Chỉ số</b>	<b>Điểm</b>
2.6 Quản lý thông tin tài sản, tài chính	3

## **Tiêu chí 2.7 Quản lý văn bản điện tử**

### **1. Mô tả hiện trạng**

Nhằm từng bước thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý hành chính, trường mầm non Nam Hồng đã sử dụng phần mềm Quản lý văn bản điều hành (VNPT-iOffice) do Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) cung cấp. Đây là một trong những giải pháp quan trọng giúp nhà trường hiện đại hóa quy trình xử lý văn bản, góp phần nâng cao hiệu quả điều hành và tiết kiệm thời gian, chi phí hành chính.

Hiện tại, toàn bộ văn bản đến tại nhà trường đều được tiếp nhận, xử lý và lưu trữ thông qua hệ thống điện tử này. Ban Giám hiệu và cán bộ, giáo viên được cấp tài khoản cá nhân để truy cập và xử lý công việc theo phân quyền. Việc ban hành văn bản nội bộ (thông báo, kế hoạch, công văn...) cũng được thực hiện dưới dạng văn bản điện tử, hạn chế tối đa việc in ấn và lưu trữ hồ sơ giấy.

Thông qua phần mềm VNPT-iOffice, quá trình xử lý văn bản diễn ra nhanh chóng, minh bạch và có sự theo dõi tiến độ thực hiện rõ ràng. Các chức năng như: tạo mới văn bản, trình ký, chuyển xử lý, phản hồi ý kiến, lưu trữ văn bản, tra cứu văn bản cũ... đều được thực hiện trực tuyến. Điều này giúp giảm tải công việc hành chính, đồng thời đảm bảo bảo mật thông tin và kiểm soát tốt luồng công việc trong nhà trường. Việc cập nhật, phản hồi và thực hiện các văn bản chỉ đạo vì thế cũng được kịp thời, giảm thiểu tối đa việc chậm trễ, thất lạc thông tin.

Tuy nhiên, nhà trường hiện chưa tích hợp chữ ký số vào hệ thống phần mềm, do đó chưa thể thực hiện gửi văn bản đi chính thức qua phần mềm quản lý văn bản điều hành. Thay vào đó, các văn bản đi vẫn chủ yếu được gửi qua hệ thống Gmail của nhà trường. Việc này phần nào ảnh hưởng đến tính đồng bộ trong quản lý văn bản điện tử và chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về tính pháp lý, bảo mật và lưu trữ điện tử theo quy định.

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã ứng dụng phần mềm quản lý văn bản điều hành VNPT-iOffice, giúp tiếp nhận, xử lý và lưu trữ văn bản đến - đi một cách khoa học, góp phần hiện đại hóa công tác quản lý hành chính. Hệ thống có tính bảo mật cao, cho phép tra cứu, lưu trữ văn bản tiện lợi, giúp nâng cao năng lực quản lý, điều hành và tiết kiệm thời gian xử lý công việc.

Ban Giám hiệu và giáo viên chủ chốt đã được cấp tài khoản, có thể truy cập và theo dõi văn bản chỉ đạo từ cấp trên nhanh chóng, chính xác.

Việc ban hành văn bản nội bộ (kế hoạch, thông báo, công văn...) bước đầu được thực hiện dưới dạng văn bản điện tử (file PDF), giảm chi phí in ấn, nâng cao hiệu quả công việc.

### 3. Điểm yếu

Nhà trường chưa tích hợp chữ ký số chưa thể gửi văn bản đi qua phần mềm VNPT-iOffice; việc gửi văn bản đi vẫn thực hiện qua hệ thống Gmail, thiếu tính pháp lý và đồng bộ.

- Hệ thống QLVBDH đôi khi vẫn còn bị lỗi hệ thống, khiến việc cập nhật xử lý các văn bản đến còn bị chậm trễ.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

<b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>	<b>Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)</b>	<b>Điều kiện để thực hiện</b>	<b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b>	<b>Dự kiến kinh phí</b>
- Tích hợp chữ ký số vào hệ thống phần mềm quản lý văn bản điện tử.	BGH, kế toán	Có hồ sơ đăng ký sử dụng chữ ký số giữa nhà trường, đơn vị cung cấp	Năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	3.000.000 đồng (phí đăng ký chữ ký số + tập huấn sử dụng)
- Nâng cấp hệ thống QLVBDH	BGH, Đơn vị cung cấp VNPT	Có kinh phí nâng cấp, hợp đồng dịch vụ rõ ràng với VNPT	Năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	5.000.000 đồng (nâng cấp phần mềm + hỗ trợ kỹ thuật)

### 5. Tự đánh giá

Chỉ số	Điểm
2.7 Quản lý văn bản điện tử	2

**Tiêu chí 2.8 Tiện ích tính toán khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng, thực đơn hàng ngày theo chế độ dinh dưỡng cần thiết và phù hợp với sự phát triển của trẻ**

#### 1. Mô tả hiện trạng

Nhận thức được tầm quan trọng của dinh dưỡng đối với sự phát triển toàn diện của trẻ, trường Mầm non Nam Hồng đã ứng dụng phần mềm Microsoft Excel để tính khẩu phần ăn, xây dựng thực đơn và kiểm soát hàm lượng dinh dưỡng hằng ngày cho trẻ theo từng độ tuổi. Phần mềm Excel được thiết lập với các hàm và công thức để tính toán năng lượng, đạm, béo, đường, vitamin, khoáng chất... từ các nhóm thực phẩm theo định lượng phù hợp. Phần mềm này hỗ trợ nhà trường trong việc lập kế hoạch dinh dưỡng theo tiêu chuẩn khoa học, đảm bảo cung cấp đầy đủ các nhóm chất thiết yếu phù hợp với độ tuổi và nhu cầu phát triển của trẻ mầm non.

Cán bộ phụ trách bán trú sử dụng bảng biểu sẵn có, cập nhật theo thực phẩm đầu vào hằng ngày. Các bảng tính được phân chia rõ ràng theo nhóm tuổi (nhà trẻ, mẫu giáo), ngày trong tuần và theo mùa. Giáo viên các nhóm, lớp báo ăn trên đường link Google Excel hàng ngày, giúp đồng bộ dữ liệu, cập nhật nhanh chóng và thuận tiện trong việc tổng hợp.

## **2. Điểm mạnh**

Công tác quản lý dinh dưỡng tại nhà trường đã có nhiều bước tiến quan trọng nhờ ứng dụng phần mềm Microsoft Excel. Việc sử dụng phần mềm giúp nhà trường xây dựng thực đơn khoa học, cân đối dinh dưỡng. Hệ thống tính toán chính xác lượng Protein, Lipid, Glucid, Vitamin và khoáng chất trong từng bữa ăn, đảm bảo trẻ được cung cấp đầy đủ năng lượng để phát triển khỏe mạnh.

Phần mềm cũng giúp kiểm soát chặt chẽ chất lượng bữa ăn, hạn chế tình trạng thiếu hụt hoặc dư thừa dinh dưỡng, đặc biệt là đối với trẻ có nhu cầu dinh dưỡng đặc biệt. Nhà trường có thể dễ dàng điều chỉnh thực đơn để phù hợp với từng nhóm trẻ, hỗ trợ tốt hơn trong việc chăm sóc sức khỏe học sinh.

Phần mềm Microsoft Excel dễ chỉnh sửa: Các bảng khẩu phần có thể dễ dàng chỉnh sửa, cập nhật định lượng, nguyên liệu theo nhu cầu thực tế hằng ngày hoặc khi thay đổi thực đơn.

## **3. Điểm yếu**

- Nhà trường chưa sử dụng phần mềm quản lý riêng về nuôi dưỡng, tính ăn và tính khẩu phần ăn cho trẻ.

- Phần mềm Microsoft Excel có những hạn chế:

- + Không tự động cập nhật cơ sở dữ liệu thực phẩm: Nếu thành phần dinh dưỡng của một loại thực phẩm thay đổi hoặc bổ sung món mới, cần nhập lại thủ công. Không có kho dữ liệu thực phẩm tự động như phần mềm chuyên dụng.

- + Thiếu khả năng thống kê, phân tích chuyên sâu:

So với các phần mềm dinh dưỡng chuyên dụng, Excel không cung cấp được biểu đồ trực quan hay đánh giá tổng thể chất lượng dinh dưỡng theo thời gian.

+ Khó tích hợp với hệ thống quản lý nhà trường:

Excel là công cụ độc lập, không kết nối trực tiếp với phần mềm quản lý bán trú hoặc dữ liệu học sinh, vì vậy cần thao tác tay nhiều bước.

#### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

<b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>	<b>Nhân lực thực hiện</b> ( <i>chủ trì/ phối hợp/ giám sát</i> )	<b>Điều kiện để thực hiện</b>	<b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b>	<b>Dự kiến kinh phí</b>
Sử dụng phần mềm quản lý riêng về nuôi dưỡng, tính ăn và tính khẩu phần ăn cho trẻ.	BGH, kế toán	Kinh phí cấp trên	Năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	3.000.000đ

#### 5. Tự đánh giá:

Chỉ số	Điểm
2.8 Tiện ích tính toán khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng, thực đơn hàng ngày theo chế độ dinh dưỡng cần thiết và phù hợp với sự phát triển của trẻ	6

### Tiêu chí 2.9 Chức năng tổ chức hoạt động giáo dục trẻ

#### 1. Mô tả hiện trạng

Trường Mầm non Nam Hồng đã tích cực UDCNTT vào việc tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, giúp trẻ tiếp cận với phương pháp học tập sinh động, trực quan và hiệu quả hơn. Hiện nay, nhà trường đã triển khai ứng dụng công nghệ vào giảng dạy thông qua các phần mềm như: Canva, ChatGPT, Copilot, PowerPoint, Gamma... để hỗ trợ giáo viên trong quá trình thiết kế bài giảng, xây dựng học liệu số và tạo ra các hoạt động học tập hấp dẫn. Bên cạnh đó, nhà trường cũng khuyến khích giáo viên tận dụng các nền tảng trực tuyến để tìm kiếm tài nguyên giảng dạy, sáng tạo trò chơi tương tác giúp trẻ hứng thú hơn với bài học. Các lớp học đều được trang bị tivi kết nối Internet, giúp giáo viên dễ dàng trình chiếu bài giảng điện tử, video minh họa, truy cập tài nguyên trực tuyến phục vụ công tác giảng dạy.

Phương pháp học tập: Việc tổ chức hoạt động giáo dục hiện nay chủ yếu dựa trên các phương pháp truyền thống, tiếp cận mô hình STEM/STEAM.

Nhà trường cũng đã tổ chức một số hoạt động giáo dục kết hợp với phụ huynh, giúp tăng cường sự kết nối giữa gia đình và nhà trường trong việc hỗ trợ trẻ học tập. Mặc dù công tác ứng dụng công nghệ vào tổ chức hoạt động giáo dục đã đạt được nhiều kết quả tích cực, nhưng vẫn còn một số hạn chế nhất định như kỹ năng sử dụng công nghệ của một số giáo viên chưa đồng đều, việc ứng dụng công nghệ vào giảng dạy chưa thực sự nhất quán giữa các lớp.

Phối hợp giữa gia đình và nhà trường: Nhà trường đã phối hợp với gia đình trong việc chăm sóc giáo dục trẻ.

## **2. Điểm mạnh**

Trường mầm non Nam Hồng triển khai chương trình giáo dục đa dạng, bao gồm các hoạt động học tập, vui chơi, nghệ thuật, thể thao, giúp trẻ phát triển các kỹ năng cơ bản như ngôn ngữ, tư duy, cảm xúc và thể chất.

Các lớp học được trang bị tivi kết nối Internet, giúp giáo viên có thể trình chiếu hình ảnh, video, truy cập tài nguyên trực tuyến để làm phong phú nội dung giảng dạy. Điều này không chỉ giúp trẻ dễ hiểu bài hơn mà còn kích thích sự sáng tạo, khám phá thế giới xung quanh.

Việc sử dụng các phần mềm hỗ trợ giảng dạy như Canva, Gama, PowerPoint, ChatGPT, Gemini... giúp giáo viên dễ dàng thiết kế bài giảng sinh động, trực quan, tăng cường tính tương tác và giúp trẻ tiếp thu bài học một cách tự nhiên, hứng thú hơn.

Tăng cường tương tác với phụ huynh thông qua các nền tảng trực tuyến như: ứng dụng Vnedu Connect, Zalo, Facebook, Website nhà trường giúp gia đình dễ dàng theo dõi, hỗ trợ trẻ trong quá trình học.

Không gian học tập: Các lớp học cần được tổ chức linh hoạt, tạo điều kiện cho trẻ tham gia vào các hoạt động giáo dục ngoài trời, phát triển thể chất và kỹ năng xã hội. Trường có đủ diện tích so với số trẻ ra lớp hiện tại.

## **3. Điểm yếu**

Việc ứng dụng công nghệ chưa được triển khai một cách nhất quán. Một số lớp vẫn còn sử dụng phương pháp giảng dạy truyền thống, chưa tận dụng hết các công cụ hỗ trợ sẵn có.

Nhà trường chưa có hệ thống đánh giá cụ thể về hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy, khiến việc điều chỉnh phương pháp giảng dạy dựa trên kết quả thực tế còn gặp khó khăn.

Một số giáo viên chưa thực sự thành thạo trong việc sử dụng các phần mềm giảng dạy, dẫn đến việc khai thác tài nguyên số chưa đạt hiệu quả tối đa.

#### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

<b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>	<b>Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)</b>	<b>Điều kiện để thực hiện</b>	<b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b>	<b>Dự kiến kinh phí</b>
Tổ chức tập huấn cho giáo viên về kỹ năng ứng dụng CNTT vào giảng dạy	BGH, GV	Máy chiếu, máy tính kết nối mạng	Năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	1.000.000đ
Nhà trường xây dựng kế hoạch triển khai đồng bộ việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy tại tất cả các lớp	BGH	Các nhóm lớp, TV, máy tính	Năm học 2026-2027 và các năm tiếp theo	

#### 5. Tự đánh giá

Chỉ số	Điểm
2.9 Chức năng tổ chức hoạt động giáo dục trẻ	6

#### **Tiêu chí 2.10 Chức năng phối hợp, tham gia của cha mẹ trẻ vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo kế hoạch của nhà trường**

##### 1. Mô tả hiện trạng

Hiện nay, nhà trường đang sử dụng app Vnedu Connect, nhóm Zalo của trường, nhóm Zalo của từng nhóm/lớp, Fanpage Facebook của trường và cổng thông tin điện tử của trường để cập nhật thông tin, chia sẻ nội dung giáo dục và tổ chức các hoạt động tương tác với phụ huynh.

Qua đó phụ huynh có thể dễ dàng tiếp cận thông tin về lịch học, thực đơn hàng ngày, tình hình sức khỏe của trẻ cũng như các sự kiện giáo dục.

Nhà trường đã triển khai nhiều hình thức kết nối với phụ huynh nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục và đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ. Bên cạnh đó, nhà trường cũng khuyến khích phụ huynh tham gia vào các hoạt động giáo dục như các buổi họp phụ huynh, tổ chức trải nghiệm của trường nhằm tạo điều kiện để gia đình và nhà trường cùng đồng hành trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ. Tuy nhiên, mức độ tham gia của phụ huynh vẫn chưa đồng đều, một số gia đình chưa thực sự quan tâm hoặc chưa có điều kiện theo dõi thường xuyên

các nội dung do nhà trường cung cấp. Đồng thời, việc tương tác hai chiều giữa nhà trường và phụ huynh trên các nền tảng trực tuyến vẫn còn hạn chế.

## 2. Điểm mạnh

Việc sử dụng các nền tảng trực tuyến như app Vnedu Connect, Zalo, Facebook và công thông tin điện tử giúp phụ huynh dễ dàng cập nhật thông tin về các hoạt động giáo dục của nhà trường, từ đó có thể theo dõi và hỗ trợ trẻ học tập tốt hơn. Công tác phối hợp với phụ huynh trong nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại trường đã có nhiều kết quả tích cực. Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động kết nối với phụ huynh, các chương trình giao lưu giữa gia đình và nhà trường. Từ đó phụ huynh có những biện pháp hỗ trợ con em mình tại nhà một cách hiệu quả.

## 3. Điểm yếu

Mức độ tham gia của phụ huynh chưa đồng đều, một số phụ huynh còn hạn chế thời gian, chưa thực sự quan tâm đến việc phối hợp cùng nhà trường trong chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, dẫn đến việc theo dõi thông tin chưa thường xuyên.

Chưa có công cụ đánh giá cụ thể về mức độ tham gia của phụ huynh cũng như hiệu quả của sự phối hợp này đối với quá trình giáo dục trẻ. Điều này khiến nhà trường gặp khó khăn trong việc điều chỉnh kế hoạch phối hợp với gia đình một cách phù hợp hơn.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

<b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>	<b>Nhân lực thực hiện</b> ( <i>chủ trì/ phối hợp/ giám sát</i> )	<b>Điều kiện để thực hiện</b>	<b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b>	<b>Dự kiến kinh phí</b>
Tăng cường các biện pháp khuyến khích phụ huynh tham gia vào các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.	BGH, GV, PH	Kế hoạch	Năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	
Xây dựng hệ thống đánh giá mức độ tham gia của phụ huynh	BGH, GV, PH		Năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	

## 5 . Tự đánh giá

Chỉ số	Điểm
2.10 Chức năng phối hợp, tham gia của cha mẹ trẻ vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo kế hoạch của nhà trường	6

**Tiêu chí 2.11 Chức năng tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho trẻ mẹ trẻ em và cộng đồng.**

### 1. Mô tả hiện trạng

Hiện nay nhà trường, các nhóm lớp đang sử dụng các kênh truyền thông như: App Vnedu connect, nhóm Zalo của trường và các lớp, fanpage Facebook, cổng thông tin điện tử của trường để chia sẻ kiến thức về nuôi dạy trẻ, chế độ dinh dưỡng hợp lý cũng như các vấn đề liên quan đến sự phát triển thể chất và tinh thần của trẻ.

Việc tuyên truyền không chỉ dừng lại ở các kênh trực tuyến mà còn được thực hiện thông qua các buổi họp phụ huynh, tài liệu hướng dẫn, về các nội dung quan trọng như kỹ năng sống, dinh dưỡng, tâm lý trẻ em, các biện pháp phòng tránh tai nạn thương tích và bệnh theo mùa.

Mức độ tiếp cận và tương tác của phụ huynh đối với các nội dung tuyên truyền chưa đồng đều. Một số phụ huynh chưa chủ động tìm hiểu, chưa thực sự quan tâm hoặc chưa có thời gian theo dõi các tài liệu mà nhà trường cung cấp.

### 2. Điểm mạnh

Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ tại trường đã đạt được nhiều kết quả tích cực, giúp phụ huynh có thêm kiến thức để đồng hành cùng nhà trường trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ. Ngoài ra, việc tuyên truyền qua các buổi họp phụ huynh, tài liệu hướng dẫn giúp thông tin đến được với nhiều đối tượng phụ huynh hơn, đặc biệt là những phụ huynh chưa quen với việc tiếp cận thông tin qua các nền tảng số.

Việc sử dụng các nền tảng trực tuyến như App Vnedu connect, Zalo, Facebook, cổng thông tin điện tử giúp nhà trường dễ dàng chia sẻ tài liệu, bài viết, kinh nghiệm nuôi dạy trẻ đến phụ huynh một cách nhanh chóng, thuận tiện. Nhờ đó, cha mẹ có thể cập nhật kiến thức mọi lúc, mọi nơi mà không bị giới hạn về thời gian hay địa điểm.

### 3. Điểm yếu

Mức độ tương tác của phụ huynh đối với các nội dung tuyên truyền chưa cao. Nhiều phụ huynh chưa chủ động tìm hiểu, chưa thực sự quan tâm đến các kiến thức nhà trường cung cấp, dẫn đến việc tiếp thu và áp dụng vào thực tế còn hạn chế.

Chưa có hệ thống đánh giá mức độ tiếp cận và hiệu quả của công tác tuyên truyền, dẫn đến việc điều chỉnh nội dung chưa sát với nhu cầu thực tế của phụ huynh.

#### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Nhà trường triển khai khảo sát định kỳ để đánh giá mức độ quan tâm của phụ huynh đối với các nội dung tuyên truyền.	BGH, GV, PH	Có Kế hoạch	Năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	

#### 5. Tự đánh giá

Chỉ số	Điểm
2.11 Chức năng tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho trẻ mẹ trẻ em và cộng đồng.	2

**Tiêu chí 2.12 Kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục (do Bộ GDĐT quản lý)**

##### 1. Mô tả hiện trạng

Hiện nay, trường mầm non Nam Hồng đang sử dụng hệ thống VnEdu - CSDL để nhập liệu, cập nhật và trao đổi thông tin với cơ quan quản lý giáo dục các cấp. Dữ liệu được cập nhật đầy đủ, bao gồm thông tin về học sinh, giáo viên, nhân viên, tình hình tuyển sinh, phổ cập giáo dục, cơ sở vật chất, tài chính, y tế trường học... giúp các cơ quan quản lý có thể theo dõi, giám sát và đánh giá hoạt động của nhà trường một cách hiệu quả.

Việc kết nối dữ liệu được thực hiện định kỳ theo hướng dẫn của cấp trên đảm bảo sự thống nhất trong báo cáo và quản lý thông tin. Nhà trường đã phân công cán bộ phụ trách công tác nhập liệu, theo dõi và kiểm tra thông tin để đảm bảo tính chính xác, hạn chế sai sót trong quá trình đồng bộ dữ liệu. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, nhà trường vẫn gặp một số khó khăn như việc cập nhật dữ liệu còn mất nhiều thời gian do phải nhập liệu thủ công, một số mục dữ liệu chưa được tự động đồng bộ giữa các hệ thống, dẫn đến việc phải kiểm tra chéo giữa các nguồn thông tin, gây áp lực cho cán bộ quản lý.

## 2. Điểm mạnh

Điểm mạnh công tác kết nối và trao đổi dữ liệu với CSDL ngành GD tại trường mầm non Nam Hồng đã đạt được những kết quả tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý thông tin trong nhà trường. Việc sử dụng hệ thống VnEdu - CSDL giúp nhà trường lưu trữ và quản lý dữ liệu một cách có hệ thống, đảm bảo thông tin được cập nhật kịp thời, chính xác. Dữ liệu được nhập và báo cáo định kỳ theo đúng quy định, giúp nhà trường dễ dàng theo dõi tình hình học sinh, giáo viên, cơ sở vật chất và các hoạt động. Hệ thống cũng giúp tăng tính minh bạch trong công tác quản lý giáo dục, đảm bảo các cấp quản lý có thể truy cập và đánh giá tình hình hoạt động của nhà trường một cách khách quan. Nhờ đó, công tác điều hành, chỉ đạo và hỗ trợ từ các cấp lãnh đạo trở nên hiệu quả hơn, giúp nhà trường có thêm nguồn lực để phát triển. Ngoài ra, nhà trường đã phân công cán bộ chuyên trách theo dõi và cập nhật dữ liệu, đảm bảo tính chính xác, tránh sai sót trong quá trình nhập liệu và báo cáo.

## 3. Điểm yếu

Việc cập nhật dữ liệu vẫn chủ yếu thực hiện thủ công, đồng bộ dữ liệu giữa hệ thống quản lý của nhà trường và CSDL ngành GD của Sở, của Bộ chưa được thông suốt, hệ thống vẫn còn bị lỗi gây ảnh hưởng đến việc kết chuyển dữ liệu từ nhà trường lên CSDL ngành GD. Điều này khiến quá trình nhập liệu mất nhiều thời gian, dễ xảy ra sai sót, đặc biệt là khi có thay đổi về thông tin học sinh, giáo viên, cơ sở vật chất.

Hệ thống chưa tích hợp đầy đủ các danh mục dữ liệu, một số thông tin phải nhập nhiều lần trên các nền tảng khác nhau, gây trùng lặp và tốn nhiều công sức trong việc rà soát, kiểm tra độ chính xác.

Chưa có công cụ giám sát tự động để cảnh báo sai sót hoặc thiếu sót dữ liệu, khiến việc phát hiện lỗi và chỉnh sửa phải thực hiện thủ công, gây áp lực cho cán bộ phụ trách.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

<b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>	<b>Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)</b>	<b>Điều kiện để thực hiện</b>	<b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b>	<b>Dự kiến kinh phí</b>
Đề xuất với cấp trên việc nâng cấp hệ thống VnEdu-CSDL	BGH, Cấp trên	Kinh phí	Năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	5 triệu

<b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>	<b>Nhân lực thực hiện</b> ( <i>chủ trì/ phối hợp/ giám sát</i> )	<b>Điều kiện để thực hiện</b>	<b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b>	<b>Dự kiến kinh phí</b>
Nhà trường xây dựng quy trình kiểm tra, rà soát dữ liệu định kỳ, đảm bảo thông tin được cập nhật đầy đủ, chính xác, tránh tình trạng thiếu sót hoặc trùng lặp thông tin giữa các hệ thống	BGH	Kinh phí	Năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	2 triệu

### **5 . Tự đánh giá**

<b>Chỉ số</b>	<b>Điểm</b>
2.12 Kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục (do Bộ GDĐT quản lý)	5.5

**Tiêu chí 2.13: Ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.**

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Ứng dụng CNTT vào công tác quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được thực hiện đồng bộ, hiệu quả, nhà trường đã xây dựng và ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng các phần mềm, hệ thống ứng dụng phục vụ công tác quản lý nhà trường.

Hiện nay, nhà trường đang sử dụng nhiều phần mềm quản trị như: phần mềm quản lý nhà trường VnEdu, CSDL ngành, hệ thống quản lý văn bản điện tử, phần mềm MISA Mimosa.NET (quản lý tài chính).

Để đảm bảo các ứng dụng này được khai thác hiệu quả, nhà trường đã xây dựng quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ VnEdu, trong đó quy định rõ về trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc nhập liệu, khai thác và cập nhật thông tin trên hệ thống. Quy chế này cũng quy định về quy trình bảo mật dữ liệu, quyền truy cập của từng bộ phận nhằm đảm bảo tính an toàn và chính xác của thông tin. Các văn bản hướng dẫn, quy chế vận hành đã được triển khai đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên thông qua các buổi họp chuyên môn và tập huấn định kỳ. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, một số giáo viên và nhân viên vẫn chưa thực sự nắm vững các nội dung trong quy chế, dẫn đến việc vận hành các hệ thống ứng dụng chưa đồng bộ, còn tình trạng nhập liệu sai sót hoặc

cập nhật thông tin chậm trễ. Ngoài ra, quy chế hiện tại chưa có các cơ chế giám sát, đánh giá hiệu quả việc thực hiện, khiến việc kiểm soát và điều chỉnh còn gặp khó.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã xây dựng đầy đủ quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ VnEdu nói riêng, sử dụng đối với từng phần mềm và hệ thống ứng dụng nói chung, đảm bảo mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên đều có trách nhiệm trong việc sử dụng công nghệ đúng quy định. Quy chế cũng phân quyền rõ ràng cho từng bộ phận, giúp việc truy cập và khai thác dữ liệu trở nên khoa học, hạn chế tình trạng sai sót hoặc rò rỉ thông tin. Các phần mềm quản trị như phần mềm quản lý nhà trường CSDL, VnEdu, MISA Mimoso.net, hệ thống quản lý văn bản điện tử, đều có hướng dẫn sử dụng cụ thể, giúp giáo viên và nhân viên dễ dàng tiếp cận và thực hiện đúng quy trình

Công tác ban hành và thực hiện quy chế quản lý, vận hành các ứng dụng quản trị tại nhà trường đã đạt được những kết quả tích cực, tạo nền tảng cho việc ứng dụng công nghệ vào công tác quản lý và giáo dục trẻ một cách bài bản, hiệu quả.

## **3. Điểm yếu**

Một số giáo viên và nhân viên chưa nắm rõ nội dung quy chế, dẫn đến việc thực hiện chưa đồng bộ giữa các bộ phận. Một số phần mềm chưa được khai thác tối đa do giáo viên chưa quen sử dụng hoặc chưa thấy được sự cần thiết trong việc cập nhật dữ liệu thường xuyên.

Việc kiểm tra, giám sát thực hiện quy chế chưa được thực hiện thường xuyên, chưa có cơ chế đánh giá mức độ tuân thủ của từng cá nhân trong việc nhập liệu, khai thác và sử dụng các phần mềm. Điều này khiến một số dữ liệu chưa được cập nhật kịp thời, ảnh hưởng đến tính chính xác

Chưa có quy trình xử lý rõ ràng khi xảy ra lỗi hệ thống hoặc sự cố kỹ thuật, dẫn đến việc khắc phục sự cố còn chậm trễ, gây gián đoạn trong quá trình

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

<b>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</b>	<b>Nhân lực thực hiện</b> ( <i>chủ trì/ phối hợp/ giám sát</i> )	<b>Điều kiện để thực hiện</b>	<b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b>	<b>Dự kiến kinh phí</b>
Tổ chức các buổi tập huấn chuyên sâu về quy chế sử dụng phần mềm cho toàn bộ CBGVNV, giúp mọi người hiểu rõ trách nhiệm của mình trong việc nhập liệu, khai thác và bảo mật thông tin trên hệ thống.	BGH, GV,NV	Máy tính, máy chiếu, hệ thống mạng	Năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	
Nhà trường xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá mức độ tuân thủ quy chế bằng cách kiểm tra định kỳ dữ liệu trên hệ thống, phân công cán bộ phụ trách kiểm tra tiến độ nhập liệu và xử lý các vấn đề phát sinh	BGH, Ban CDS	Kinh phí	Năm học 2025-2026 và các năm tiếp	5 triệu

## **2. Tự đánh giá**

Chỉ số	Điểm
2.13: Ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.	Đạt

## **Kết luận về tiêu chí 2**

### **1. Điểm mạnh:**

Ứng dụng hiệu quả CNTT trong quản lý trẻ, giáo viên, y tế học đường, tài chính, văn bản điều hành... giúp lưu trữ dữ liệu khoa học, tra cứu nhanh chóng, hỗ trợ ra quyết định kịp thời.

Theo dõi sức khỏe, phát triển của trẻ được số hóa và đồng bộ, giúp phát hiện sớm nguy cơ sức khỏe, phối hợp chăm sóc tốt hơn giữa nhà trường – giáo viên – phụ huynh.

Hệ thống quản lý nhân sự, tài chính và tài sản hoạt động minh bạch, rõ ràng, đảm bảo đúng quy định, phục vụ tốt cho công tác quản trị.

Công tác phổ cập giáo dục, quản lý văn bản điều hành và khám sức khỏe định kỳ được triển khai bài bản, có sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan.

Tiết kiệm thời gian, giảm tải thủ công, từng bước CDS hiệu quả trong công tác hành chính và chuyên môn.

**Ứng dụng CNTT vào nuôi dưỡng – chăm sóc:** Trường đã sử dụng phần mềm Excel để xây dựng khẩu phần ăn hợp lý, kiểm soát thành phần dinh dưỡng hằng ngày phù hợp với từng độ tuổi. Cách thức tổ chức khoa học, minh bạch và dễ cập nhật đã góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe trẻ.

**Ứng dụng CNTT trong giảng dạy:** Giáo viên đã sử dụng các phần mềm như Canva, PowerPoint, ChatGPT, Gemini, Gamma... để thiết kế bài giảng sinh động, trực quan. Các lớp học được trang bị tivi có kết nối Internet phục vụ trình chiếu và truy cập tài nguyên số, tăng tính tương tác và hứng thú cho trẻ.

**Phối hợp tốt với phụ huynh:** Nhà trường duy trì hiệu quả kênh kết nối thông qua app Vnedu Connect, nhóm Zalo, Facebook và website. Phụ huynh được cập nhật nhanh chóng các thông tin học tập, sức khỏe, thực đơn cũng như được mời tham gia các hoạt động giáo dục trải nghiệm cùng con.

**Tuyên truyền kiến thức khoa học:** Trường đã chủ động chia sẻ tài liệu, kỹ năng nuôi dạy trẻ thông qua cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Việc truyền thông đa dạng giúp nhiều phụ huynh tiếp cận được kiến thức bổ ích, góp phần hỗ trợ giáo dục toàn diện cho trẻ.

**Quản lý thông tin hiệu quả:** Việc kết nối, đồng bộ dữ liệu với hệ thống CSDL ngành qua VnEdu được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo thông tin được cập nhật đầy đủ, chính xác và phục vụ tốt cho công tác quản lý nhà trường.

**Có quy chế khai thác ứng dụng rõ ràng:** Nhà trường đã ban hành quy chế quản lý, vận hành các phần mềm ứng dụng trong công tác nuôi dưỡng, giáo dục, đảm bảo phân công trách nhiệm cụ thể, nâng cao tính hiệu quả và bảo mật dữ liệu.

## 2. Điểm yếu:

Một số phần mềm chưa được đồng bộ hoàn toàn, gây khó khăn trong việc kết nối và quản lý dữ liệu giữa các hệ thống (VnEdu, VNPT CCVC, CSDL Bộ/Sở...).

Việc nhập liệu còn thủ công, thiếu đồng bộ: gây mất thời gian và tiềm ẩn sai sót do giáo viên kiêm nhiệm thực hiện.

Phụ huynh và một bộ phận cán bộ, giáo viên còn hạn chế kỹ năng công nghệ, ảnh hưởng đến hiệu quả cập nhật và khai thác hiệu quả các phần mềm, ứng dụng.

Chưa có nhân viên y tế chuyên trách, việc theo dõi và xử lý tình huống y tế còn hạn chế.

Hệ thống văn bản điện tử chưa tích hợp chữ ký số, việc gửi văn bản đi chính thức còn qua email, chưa đảm bảo tính pháp lý và đồng bộ.

Thiếu phần mềm chuyên dụng: Việc sử dụng Excel còn thủ công, không có cơ sở dữ liệu thực phẩm tự động, không tích hợp thống kê chuyên sâu hay kết nối với hệ thống quản lý tổng thể.

Thiếu công cụ đánh giá hiệu quả: Chưa có hệ thống theo dõi, đánh giá mức độ tham gia của phụ huynh, hiệu quả công tác tuyên truyền, hay việc ứng dụng công nghệ vào giáo dục một cách định lượng và khách quan.

Trường mầm non Nam Hồng đã triển khai hiệu quả ứng dụng CNTT chuyển đổi số trong quản trị, chăm sóc và giáo dục trẻ, với hệ thống phần mềm quản lý đồng bộ, giúp tối ưu hóa công tác quản lý và giảng dạy. Tuy nhiên, để nâng cao chất lượng CDS, nhà trường sẽ tiếp tục đẩy mạnh đào tạo nhân lực CNTT, chuyển đổi số mở rộng ứng dụng công nghệ trong giảng dạy và nâng cấp hệ thống đảm bảo mọi hoạt động trong nhà trường đều được số hóa một cách hiệu quả, bền vững.

### **\*Tự đánh giá tiêu chí 2**

<b>Chỉ số</b>	<b>Điểm số</b>
Tiêu chí 2.1 Quản lý thông tin trẻ em	5
Tiêu chí 2.2 Quản lý thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em	5
Tiêu chí 2.3 Quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	5
Tiêu chí 2.4 Quản lý thông tin y tế trường học	4.5
Tiêu chí 2.5 Quản lý thông tin phổ cập giáo dục	4
Tiêu chí 2.6 Quản lý thông tin tài sản, tài chính	3
Tiêu chí 2.7 Quản lý văn bản điện tử	2
Tiêu chí 2.8 Tiện ích tính toán khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng, thực đơn hàng ngày theo chế độ dinh dưỡng cần thiết và phù hợp với sự phát triển của trẻ	6
Tiêu chí 2.9 Chức năng tổ chức hoạt động giáo dục trẻ	6
Tiêu chí 2.10 Chức năng phối hợp, tham gia của cha mẹ trẻ vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo kế hoạch của nhà trường	6
Tiêu chí 2.11 Chức năng tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ em và cộng đồng	2
Tiêu chí 2.12 Kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục (do Bộ GDĐT quản lý)	5.5

Tiêu chí 2.13 Ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	Đạt- Điều kiện bắt buộc
<b>Tổng điểm</b>	<b>54</b>

**Kết luận tiêu chí 2: Đạt 54 điểm - Đạt: Mức độ 3**

### **III. Tiêu chí 3: Triển khai dịch vụ trực tuyến**

#### **Mở đầu**

Chuyển đổi số trong giáo dục không chỉ tập trung vào giảng dạy mà còn mở rộng sang các dịch vụ hành chính, tài chính và kết nối giữa nhà trường với phụ huynh. Việc triển khai các dịch vụ trực tuyến giúp giảm thiểu thủ tục hành chính, nâng cao tính minh bạch, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho phụ huynh trong việc tiếp cận thông tin, sử dụng các dịch vụ giáo dục một cách nhanh chóng, hiệu quả.

Tiêu chí 3 đánh giá mức độ triển khai và hiệu quả của các dịch vụ trực tuyến tại nhà trường, tập trung vào các nội dung: dịch vụ tuyển sinh trực tuyến, dịch vụ kết nối giữa nhà trường và phụ huynh thông qua nền tảng số, dịch vụ thu phí giáo dục không dùng tiền mặt. Việc đánh giá tiêu chí này giúp Nhà trường xác định được những kết quả đạt được, những khó khăn còn tồn tại và đề xuất các giải pháp cải thiện nhằm tối ưu hóa công tác quản lý giáo dục theo hướng hiện đại hóa.

#### **3.1 Dịch vụ tuyển sinh đầu cấp mầm non trực tuyến**

##### **1. Mô tả hiện trạng**

Trong năm học 2025-2026, trường mầm non Nam Hồng đã từng bước đẩy mạnh UDCNTT vào công tác quản lý và điều hành. Nhà trường đã triển khai một số dịch vụ trực tuyến nhằm hỗ trợ công tác quản lý, phục vụ tốt hơn nhu cầu của phụ huynh và nâng cao hiệu quả hoạt động chung. Các dịch vụ này bao gồm việc cung cấp thông tin tuyển sinh, đơn đăng ký nhập học... thông qua các nền tảng trực tuyến như Zalo, Facebook, Google drive và đăng tải trên website của trường mầm non Nam Hồng.

Do điều kiện đặc thù của địa phương có 3 điểm trường nằm rải rác và dân số phân bố không đồng đều, công tác tuyển sinh đầu cấp thường gặp một số khó khăn trong việc tiếp cận phụ huynh và học sinh. Nhằm khắc phục điều này, nhà trường đã đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền tuyển sinh trên các kênh mạng xã hội như: Zalo, Facebook và website trường. Việc này bước đầu đã mang lại hiệu quả tích cực, giúp nâng cao nhận thức của phụ huynh, thuận lợi hơn trong việc tiếp cận thông tin và thực hiện các thủ tục tuyển sinh cho con em mình.

##### **2. Điểm mạnh**

- Nhà trường đã chủ động UDCNTT vào công tác quản lý và điều hành, từng bước thích ứng với xu hướng chuyển đổi số trong giáo dục.

- Công khai thông tin tuyển sinh trên các nền tảng số (website, Zalo, Facebook...).

- Việc triển khai các dịch vụ trực tuyến như: thông tin tuyển sinh, đơn đăng ký nhập học, tiếp nhận và phản hồi ý kiến phụ huynh qua Zalo, Facebook và website giúp nâng cao chất lượng phục vụ phụ huynh, tiết kiệm thời gian và công sức.

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên có tinh thần học hỏi, tích cực trong việc ứng dụng CNTT vào công tác chuyên môn và quản lý.

### 3. Điểm yếu

Nhà trường chưa triển khai hệ thống tuyển sinh trực tuyến đồng bộ, còn phụ thuộc vào hình thức đăng ký bán thủ công qua mạng xã hội hoặc gửi giấy.

### 4. Kế hoạch cải tiến

Giải pháp cụ thể	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Mốc thời gian	Dự kiến kinh phí
Đề xuất sử dụng triển khai hệ thống tuyển sinh trực tuyến	Hiệu trưởng, nhà cung cấp phần mềm	Kinh phí	Trong năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo.	10.000.000đ

### 5. Tự đánh giá

Chỉ số	Điểm số
3.1. Dịch vụ tuyển sinh đầu cấp mầm non trực tuyến	1

### 3.2 Dịch vụ kết nối giữa gia đình và cơ sở giáo dục

#### 1. Mô tả hiện trạng

Nhằm tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, nhà trường đã triển khai các kênh kết nối trực tuyến thông qua: ứng dụng App VnEdu Connect, Zalo nhóm lớp, Facebook và trang website của nhà trường. Đây là nền tảng quan trọng giúp nhà trường truyền tải thông tin một cách nhanh chóng, chính xác đến phụ huynh về chương trình giáo dục, lịch học, thực đơn dinh dưỡng, tình hình sức khỏe và hoạt động của trẻ.

Thông qua nhóm Zalo lớp, giáo viên cập nhật thông tin hàng ngày về việc ăn, ngủ, học tập và vui chơi của trẻ, đồng thời gửi thông báo đến phụ huynh về lịch học, nội quy lớp học và các hoạt động ngoại khóa. Facebook của trường

được sử dụng để đăng tải hình ảnh, video về các sự kiện, hoạt động giáo dục nhằm giúp phụ huynh theo dõi quá trình học tập và sinh hoạt của con em mình.

Trong năm học 2025-2026, trường mầm non Nam Hồng tiếp tục triển khai ứng dụng VnEdu Connect nhằm tăng cường kết nối giữa nhà trường và cha mẹ học sinh, góp phần thực hiện hiệu quả chuyển đổi số trong công tác quản lý và truyền thông nội bộ. Nhà trường đã đăng ký và có hợp đồng cung cấp dịch vụ qua ứng dụng VnEdu Connect với công ty cung cấp dịch vụ viễn thông VNPT, tạo tài khoản VnEdu Connect cho phụ huynh học sinh. Đội ngũ cán bộ, giáo viên đã được tập huấn cơ bản về cách sử dụng phần mềm và cập nhật thông tin liên quan đến học sinh. 100% lớp học đã được thiết lập và liên kết với số điện thoại tài khoản phụ huynh để đảm bảo việc thông báo, liên lạc được diễn ra đồng bộ. Các tính năng đang được sử dụng hiệu quả của ứng dụng App VnEdu Connect:

+ Thông báo hai chiều: Nhà trường gửi các thông báo, lịch nghỉ học, thực đơn, nhắc nhở nộp học phí... qua ứng dụng. Phụ huynh có thể phản hồi trực tiếp hoặc liên hệ với giáo viên thông qua tính năng nhắn tin trò chuyện.

+ Theo dõi chuyên cần: Giáo viên cập nhật sĩ số, tình trạng đi học/nghỉ học của trẻ hằng ngày. Phụ huynh được thông báo nhanh chóng nếu trẻ nghỉ không phép.

+ Tỷ lệ phụ huynh tham gia: tính đến tháng 5/2026, nhà trường có  $365/426 = 86\%$  phụ huynh đã cài đặt và sử dụng ứng dụng VnEdu Connect. Khoảng 80% phụ huynh thường xuyên tương tác với giáo viên qua nền tảng này, giúp tăng tính minh bạch và sự đồng hành trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ.

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường đã đăng ký và sử dụng ứng dụng App VnEdu Connect. Triển khai ứng dụng VnEdu Connect giúp kết nối thông tin hai chiều hiệu quả.

- Hệ thống kết nối trực tuyến giữa nhà trường và phụ huynh đã mang lại nhiều lợi ích trong việc truyền tải thông tin và hỗ trợ phụ huynh theo dõi quá trình học tập của trẻ. Việc sử dụng Zalo nhóm lớp giúp giáo viên và cha mẹ có thể trao đổi trực tiếp, nhanh chóng, tạo điều kiện thuận lợi cho phụ huynh cập nhật tình hình con em mà không cần đến trường. Facebook và Website nhà trường đóng vai trò quan trọng trong việc lan tỏa thông tin chung, giúp cha mẹ dễ dàng nắm bắt lịch học tập, các sự kiện và hoạt động của nhà trường.

Tỷ lệ phụ huynh sử dụng App khá cao và thường xuyên tương tác (80-86%).

Nhiều kênh liên lạc đa dạng: Zalo nhóm lớp, Facebook, Website giúp thông tin đến phụ huynh nhanh chóng.

Tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình, hỗ trợ chăm sóc – giáo dục trẻ tốt hơn.

Việc tận dụng nền tảng số này giúp rút ngắn khoảng cách giữa nhà trường và gia đình, tạo ra một môi trường giao tiếp mở, nơi giáo viên, cha mẹ có thể trao đổi phối kết hợp trong việc giáo dục trẻ. Nhờ đó, cha mẹ không chỉ nhận được thông tin một cách nhanh chóng mà còn có thể tham gia đóng góp ý kiến, nâng cao hiệu quả có sự phối hợp giữa hai bên trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ.

Phụ huynh có thể phản hồi, góp ý và tham gia vào quá trình giáo dục con.

### 3. Điểm yếu

Một số phụ huynh lớn tuổi, sử dụng điện thoại đời cũ hoặc không thành thạo công nghệ còn hạn chế tương tác trên ứng dụng app.

### 4. Kế hoạch cải tiến

Giải pháp cụ thể	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Mốc thời gian	Dự kiến kinh phí
Tuyên truyền, hướng dẫn phụ huynh tương tác sử dụng ứng dụng app VnEdu Connect.	BGH, phụ huynh	Phụ huynh có điện thoại thông minh, có kết nối hệ thống mạng ổn định	Trong năm học và các năm học tiếp theo.	Không

### 5. Tự đánh giá

Chỉ số	Điểm số
3.2. Dịch vụ kết nối giữa gia đình và cơ sở giáo dục	4

### 3.3 Dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt

#### 1. Mô tả hiện trạng

Nhằm nâng cao hiệu quả quản lý tài chính và giảm thiểu rủi ro trong quá trình thu chi, Trường Mầm non Nam Hồng đã triển khai hình thức thu phí giáo dục không dùng tiền mặt. Hiện nay, nhà trường đang áp dụng các phương thức thanh toán trực tuyến thông qua hệ thống Thuế điện tử, phần mềm kế toán Misa Mimoso.net và phần mềm quản lý thu chi học sinh Dtsoft.

Phụ huynh có thể thực hiện thanh toán học phí bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng hoặc quét mã QR. Thông tin thanh toán được bộ phận kế toán tiếp nhận và cập nhật trực tiếp trên phần mềm, góp phần giảm thiểu các thao tác thủ công, hạn chế sai sót trong quá trình đối soát.

Song song đó, việc sử dụng các phần mềm quản lý thu chi giúp nhà trường theo dõi tiến độ thanh toán, đối chiếu công nợ, lập báo cáo tài chính minh bạch và chính xác. Tuy nhiên, do một bộ phận phụ huynh vẫn giữ thói quen thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt, nhà trường hiện đang vận hành song song hai hình thức thu phí, điều này làm gia tăng khối lượng công việc cho bộ phận kế toán.

## **2. Điểm mạnh**

Việc phát triển thu phí không dùng tiền mặt tại trường đã mang lại nhiều lợi ích đáng kể. Hình thức thu phí không dùng tiền mặt góp phần nâng cao tính minh bạch, an toàn trong công tác tài chính, hạn chế thất thoát và sai sót trong quá trình thu chi.

Phụ huynh có thể thanh toán linh hoạt từ xa qua chuyển khoản ngân hàng hoặc mã QR, tiết kiệm thời gian và công sức.

Việc ứng dụng phần mềm Misa Mimoso.net và Dtsoft giúp kế toán dễ dàng theo dõi, đối soát công nợ, lập báo cáo tài chính chính xác, hỗ trợ công tác kiểm tra nội bộ hiệu quả.

Hạn chế áp lực cho bộ phận kế toán, giảm thiểu sai sót trong việc ghi nhận và xử lý giao dịch.

## **3. Điểm yếu**

Mặc dù nhà trường đã triển khai hình thức thanh toán không dùng tiền mặt đối với hầu hết các khoản dịch vụ, tuy nhiên hiện vẫn còn duy trì thu tiền mặt đối với khoản học thứ 7. Điều này phần nào gây khó khăn trong việc đồng bộ dữ liệu thu – chi và ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý tài chính.

Việc tồn tại song song hai hình thức thu phí (tiền mặt và không dùng tiền mặt) làm gia tăng khối lượng công việc cho bộ phận kế toán, đặc biệt trong khâu nhập liệu, kiểm tra và đối soát giao dịch.

Bên cạnh đó, hệ thống phần mềm kế toán hiện chưa được tích hợp chức năng tự động nhắc nhở các khoản chưa thanh toán. Do đó, bộ phận kế toán vẫn phải thực hiện việc liên hệ thủ công với phụ huynh để đôn đốc, làm gia tăng áp lực và khối lượng công việc hành chính trong công tác tài chính.

## **4. Kế hoạch cải tiến**

<b>Giải pháp cụ thể</b>	<b>Nhân lực thực hiện</b>	<b>Điều kiện để thực hiện</b>	<b>Mốc thời gian</b>	<b>Dự kiến kinh phí</b>
Tuyên truyền, phổ biến tới PHHS phương thức thanh toán không dùng tiền mặt	GV, PHHS, kế toán	- Phụ huynh có điện thoại thông minh, có tài khoản ngân hàng có thể quét mã Qr thanh toán, có kết nối hệ thống mạng ổn định	- Trong năm học và các năm học tiếp theo.	- Số tiền: không
Nâng cấp các chức năng của hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt	- BGH, đơn vị cung ứng phần mềm hệ thống thanh toán	- Có kinh phí	- Trong năm học và các năm học tiếp theo.	10.000.000đ

### **5. Tự đánh giá**

<b>Chỉ số</b>	<b>Điểm số</b>
3.3. Dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt	3

### **Kết luận về Tiêu chí 3**

#### **Điểm mạnh:**

- Nhà trường chủ động ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản lý và điều hành.
- Công khai thông tin tuyển sinh trên các nền tảng số (website, Zalo, Facebook).
- Phụ huynh dễ dàng tiếp cận, nộp đơn, phản hồi qua các kênh trực tuyến, tiết kiệm thời gian, nâng cao hiệu quả phục vụ.
- Cán bộ, giáo viên có tinh thần tích cực, chủ động trong ứng dụng CNTT.
- Triển khai ứng dụng VnEdu Connect giúp kết nối thông tin hai chiều hiệu quả.
- Tỷ lệ phụ huynh sử dụng ứng dụng App VnEdu Connect khá cao và thường xuyên tương tác (80-86%).

- Nhiều kênh liên lạc đa dạng: Zalo nhóm lớp, Facebook, Website giúp thông tin đến phụ huynh nhanh chóng. Tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình, hỗ trợ chăm sóc – giáo dục trẻ tốt hơn.

- Thanh toán trực tuyến qua chuyển khoản, QR code, phần mềm Misa Mimoso.net, Dtsoft giúp minh bạch, an toàn, tiết kiệm thời gian.

- Kế toán dễ dàng theo dõi, báo cáo, kiểm tra thu chi, nhắc nhở công nợ.

- Giảm áp lực công việc cho bộ phận thu ngân, hạn chế sai sót trong thu – chi.

### **Điểm yếu:**

- Chưa triển khai hệ thống tuyển sinh trực tuyến đồng bộ, còn phụ thuộc vào hình thức đăng ký bán thủ công qua mạng xã hội hoặc gửi giấy.

- Một bộ phận phụ huynh lớn tuổi, không rành công nghệ hoặc dùng điện thoại đời cũ gặp khó khăn khi sử dụng App, hạn chế tương tác.

- Một số phụ huynh vẫn giữ thói quen nộp tiền mặt, gây khó khăn cho việc quản lý đồng bộ.

- Chưa tích hợp chức năng tự động nhắc nhở phí chưa đóng, kế toán vẫn phải liên hệ thủ công từng phụ huynh, làm tăng khối lượng công việc.

Nhà trường đã bước đầu triển khai các dịch vụ trực tuyến phục vụ tuyển sinh, kết nối với phụ huynh và thanh toán học phí không dùng tiền mặt, góp phần cải thiện hiệu quả quản lý và giảm tải công tác hành chính. Tiêu chí 3 đã được nhà trường triển khai nghiêm túc, đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường sự phối hợp với phụ huynh, và từng bước thực hiện hiệu quả chuyển đổi số trong trường mầm non. Tuy nhiên, vẫn cần tiếp tục hoàn thiện, đặc biệt là xây dựng hệ thống tuyển sinh trực tuyến chuyên biệt và tích hợp thêm tính năng tự động trong dịch vụ thu phí để tối ưu hóa quy trình.

### **\*Tự đánh giá tiêu chí 3**

<b>Chỉ số</b>	<b>Điểm số</b>
3.1 Dịch vụ tuyển sinh đầu cấp mầm non trực tuyến	1
3.2 Dịch vụ kết nối giữa gia đình và cơ sở giáo dục	4
3.3 Dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt	3
<b>Tổng điểm</b>	<b>8</b>

**Kết luận tiêu chí 3: Đạt 8 điểm - Đạt Mức độ 2**

## **IV. Tiêu chí 4: Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số**

### **Mở đầu**

Nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục hiện nay nhà trường luôn chú trọng phát triển năng lực ứng dụng CNTT cho đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên. Cán bộ và giáo viên của trường đã ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, giảng dạy, sử dụng các công cụ như Canva, Wordwall, ChatGPT, Gemini, Gamma AI ... để thiết kế bài giảng điện tử và tổ chức các hoạt động học tập sinh động cho trẻ. Tuy nhiên, tỷ lệ này vẫn cần được nâng cao để đảm bảo tất cả giáo viên đều có thể sử dụng thành thạo công nghệ trong công tác chuyên môn.

Trong năm học 2025 - 2026, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức tập huấn về CNTT, trong đó nhà trường cử các đồng chí cán bộ và giáo viên phụ trách CNTT tham gia các lớp tập huấn về ứng dụng công nghệ. Nội dung tập huấn tập trung vào sử dụng phần mềm quản lý VnEdu, MISA Mimosa.Net, Canva, Google Drive và các nền tảng hỗ trợ giảng dạy trực tuyến. Tuy nhiên, con số này vẫn còn thấp so với yêu cầu thực tế, do đó nhà trường cũng đã có kế hoạch nâng cao tỷ lệ giáo viên được tập huấn về CNTT trong thời gian trường.

Trong năm học này 100% CBGV trong trường đã tham gia và hoàn thành khoá học online về năng lực số do Sở Giáo dục và Đào tạo mở miễn phí.

Về năng lực sử dụng công nghệ, phần lớn cán bộ, giáo viên của trường đã có kỹ năng cơ bản trong việc sử dụng Zalo, Facebook, Google Form, Google Sheet để phục vụ công tác quản lý và giảng dạy. Tuy nhiên, vẫn còn một số giáo viên chưa thực sự thành thạo trong việc khai thác phần mềm chuyên biệt như phần mềm thiết kế bài giảng số hoặc tích hợp công nghệ vào các hoạt động giảng dạy hằng ngày.

Nhìn chung, trường mầm non Nam Hồng đã đạt được những bước tiến quan trọng trong phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số, tuy nhiên vẫn cần tiếp tục đào tạo và nâng cao kỹ năng CNTT cho đội ngũ giáo viên, nhân viên để đảm bảo việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy và quản lý đạt hiệu quả cao hơn.

### **4.1. Tỷ lệ giáo viên sử dụng được ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ**

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Trong năm học 2025 - 2026, trường mầm non Nam Hồng đã thực hiện theo Kế hoạch giáo dục năm học số 89 ngày 19/09/2025 về việc chú trọng bồi dưỡng, nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ giáo viên, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục mầm non theo kế hoạch chuyển đổi số (...) 100% cán bộ, giáo viên trong nhà trường đều có bằng hoặc chứng

chỉ tin học, đảm bảo đủ năng lực cơ bản trong việc sử dụng máy tính, phần mềm văn phòng và các công cụ hỗ trợ giảng dạy.

Đặc biệt, giáo viên đã từng bước làm chủ các công cụ công nghệ hiện đại, như: ChatGPT, Gemini, Canva, Gamma, Leonardo AI... để phục vụ việc thiết kế bài giảng, xây dựng học liệu số, sáng tạo video học tập và tài liệu trực quan sinh động nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Việc khai thác học liệu số được thực hiện linh hoạt, phù hợp với từng độ tuổi và nội dung giáo dục, góp phần đổi mới hình thức tổ chức hoạt động, tăng tính hấp dẫn, lôi cuốn trẻ.

## 2. Điểm mạnh

- 100% giáo viên có chứng chỉ tin học, có khả năng sử dụng máy tính và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn.

Nhà trường có 02 giáo viên có bằng đại học được đào tạo chuyên ngành công nghệ thông tin.

Giáo viên đã biết khai thác hiệu quả các công cụ hỗ trợ thiết kế học liệu như: Canva, Gamma, Leonardo, ChatGPT, Gemini... để xây dựng bài giảng số, video giáo dục phù hợp lứa tuổi.

Nhà trường có kho học liệu số dùng chung lưu trữ trên Drive, đăng tải trên chuyên mục “Video” website nhà trường được sử dụng phong phú, đa dạng, giúp giáo viên có thể khai thác học liệu phục vụ công tác chuyên môn đạt hiệu quả.

Đội ngũ giáo viên, nhân viên có tinh thần học hỏi, chủ động cập nhật xu hướng công nghệ mới phục vụ giảng dạy.

## 3. Điểm yếu:

Một số giáo viên còn lúng túng trong việc ứng dụng đồng bộ các công cụ công nghệ vào tổ chức hoạt động thực tiễn trên lớp.

Hạ tầng CNTT như máy tính, máy chiếu, đường truyền mạng tại một số lớp còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng học liệu số.

## 4. Kế hoạch cải tiến

<b>Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện</b>	<b>Nhân lực thực hiện</b> ( <i>chủ trì/ phối hợp/ giám sát</i> )	<b>Điều kiện để thực hiện</b>	<b>Mốc thực hiện/ thời gian hoàn thành</b>	<b>Dự kiến kinh phí</b>
Rà soát những giáo viên hạn chế về sử dụng Excel để bồi dưỡng theo tổ, khối.	BGH		Trong những năm tiếp theo	

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao kỹ năng sử dụng, ứng dụng các phần mềm trong việc lập kế hoạch và ký số cho giáo viên.	BGH		Trong những năm tiếp theo	
Đầu tư nâng cấp hạ tầng CNTT, đảm bảo mỗi giáo viên đều có điều kiện học tập trực tuyến thuận lợi.	BGH	Sử dụng nguồn kinh phí chi hoạt động chuyên môn	Trong những năm tiếp theo	

## 5. Tự đánh giá

Việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy đã có bước tiến đáng kể, giúp nâng cao chất lượng giảng dạy và quản lý thông tin trẻ. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả tối ưu, nhà trường cần tiếp tục đào tạo, hỗ trợ giáo viên trong công việc khai thác học liệu số và nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ.

Chỉ số	Điểm số
4.1 Tỷ lệ giáo viên sử dụng được ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	5.5
Tổng điểm	5.5

### 4.2. Tỷ lệ giáo viên hằng năm được tập huấn, bồi dưỡng (gồm cả bồi dưỡng cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận) nâng cao năng lực chuyên môn thông qua nền tảng số

#### 1. Mô tả hiện trạng

Trong năm học 2025-2026, trường mầm non Nam Hồng đặc biệt quan tâm đến công tác tập huấn, bồi dưỡng năng lực chuyên môn và kỹ năng công nghệ thông tin cho cán bộ, giáo viên, nhân viên thông qua các hình thức linh hoạt, trong đó có ứng dụng nền tảng số.

Nhà trường đã chủ động tổ chức 02 lớp tập huấn nội bộ cho toàn thể CBGVNV, tập trung vào các nội dung: sử dụng công cụ AI hỗ trợ giảng dạy, thiết kế học liệu số, cập nhật phương pháp giáo dục mới, và kỹ năng sử dụng phần mềm quản lý trường học. Bên cạnh đó, giáo viên phụ trách CNTT, GV cốt cán của trường còn được tham gia 01 lớp tập huấn do Sở GD&ĐT tỉnh Ninh Bình tổ chức, tập trung vào việc nâng cao năng lực ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục mầm non, xây dựng kế hoạch tự đánh giá mức độ CDS, minh chứng, báo cáo tự đánh giá của các cơ sở giáo dục.

Việc bồi dưỡng thông qua nền tảng số như Zalo, Zoom, Google Meet, tập huấn qua video bài giảng, tài liệu số... đã từng bước hình thành thói quen tự học, tự bồi dưỡng cho giáo viên, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ.

## 2. Điểm mạnh

- 100% giáo viên được tham gia các lớp tập huấn dưới hình thức tập huấn chuyên môn trong năm học, trong đó có sử dụng nền tảng số.

Nhà trường chủ động tổ chức các lớp tập huấn nội bộ phù hợp với thực tiễn và nhu cầu nâng cao năng lực công nghệ của CBGVNV.

Giáo viên có thái độ tích cực trong việc học tập, tự bồi dưỡng qua tài liệu số, các lớp học online, video chuyên đề.

Việc sử dụng các nền tảng số (Zalo, Zoom, Google Meet...) trong công tác bồi dưỡng giúp tiết kiệm thời gian, linh hoạt và thuận lợi trong điều kiện phân tán điểm trường.

Trong năm học này 100% CBGV trong trường đã tham gia và hoàn thành khoá học online về năng lực số do Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình mở miễn phí.

## 3. Điểm yếu

Một số giáo viên lớn tuổi còn hạn chế trong việc tiếp cận và thao tác trên các nền tảng học tập trực tuyến.

Hạ tầng kỹ thuật phục vụ học trực tuyến như thiết bị cá nhân, kết nối mạng chưa đồng đều giữa các cá nhân.

Chưa đưa ứng dụng phần mềm trong quản lý dinh dưỡng mà chỉ sử dụng công cụ bảng tính Excel để tính ăn và khẩu phần ăn, sử dụng đường link hỗ trợ giáo viên và BGH trong công tác theo dõi số lượng trẻ ăn hàng ngày.

## 4. Kế hoạch cải tiến

<b>Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện</b>	<b>Nhân lực thực hiện ( chủ trì/ phối hợp/ giám sát)</b>	<b>Điều kiện để thực hiện</b>	<b>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</b>	<b>Dự kiến kinh phí</b>
Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn về CNTT, CDS cho cán bộ giáo viên, Phân công giáo viên có năng lực công nghệ hỗ trợ, kèm cặp giáo viên yếu trong quá trình tham gia học tập và ứng dụng nền tảng số.	BGH, tổ CM, GV	Sử dụng nguồn kinh phí chi hoạt động chuyên môn	Trong những năm tiếp theo	1.000.000đ

Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, thiết bị, đường truyền mạng Internet	BGH, Nhà cung cấp mạng	Có kinh phí	Trong những năm tiếp theo	5.000.000đ
---	------------------------	-------------	---------------------------	------------

### 5. Tự đánh giá

Công tác tập huấn, bồi dưỡng thành viên về chuyển đổi số tại trường Mầm non Nam Hồng đã có những bước khởi đầu tích cực, nhưng tỷ lệ giáo viên được tham gia vẫn còn thấp, cho thấy cần có giải pháp để nâng cao nhận thức và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho giáo viên trong công việc tiếp theo.

Việc tăng cường các khóa tập huấn, hỗ trợ giáo dục trong công việc học tập trực tuyến và xây dựng hệ thống đánh giá hiệu quả đào tạo sẽ là những giải pháp quan trọng giúp nâng cao năng lực chuyển đổi số lượng của đội ngũ giáo viên.

Trong thời gian tới, nhà trường sẽ tiếp tục thúc đẩy các chương trình bồi dưỡng chuyên môn, đảm bảo 95- 100% giáo viên đều có kỹ năng ứng dụng thành thạo công nghệ vào giảng dạy và quản lý lớp học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và phù hợp với xu hướng chuyển đổi số trong giáo dục mầm non.

Chỉ số	Điểm số
4.2	6
Tổng điểm	6

### Kết luận tiêu chí 4

#### Điểm mạnh:

- 100% CBGV nhà trường có chứng chỉ tin học UDCNTT cơ bản, có kỹ năng sử dụng máy tính và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn.

Nhà trường có 02 giáo viên được đào tạo chuyên ngành tin học và đa số đội ngũ giáo viên trẻ có thể tiếp cận sử dụng một số công cụ công nghệ hiện đại như ChatGPT, Gemini, Canva, Gamma, Leonardo AI, giúp thiết kế học liệu số, video giáo dục sinh động, phù hợp với từng độ tuổi.

Kho học liệu số được lưu trữ tập trung trên Drive, trên chuyên mục Video Website nhà trường với nguồn học liệu phong phú, hỗ trợ hiệu quả cho giáo viên trong tổ chức hoạt động giáo dục.

Đội ngũ giáo viên có tinh thần học hỏi, chủ động tự học, tự bồi dưỡng qua các tài liệu số, video chuyên đề, chủ động cập nhật và ứng dụng công nghệ mới vào giảng dạy.

Nhà trường chủ động tổ chức các lớp tập huấn nội bộ phù hợp, linh hoạt, tiết kiệm thời gian và thuận lợi trong điều kiện có nhiều điểm trường phân tán. giáo viên tham gia các lớp tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng công nghệ thông tin, trong đó có sử dụng các nền tảng số như Zalo, Zoom, Google Meet.

### **Điểm yếu:**

Một số giáo viên lớn tuổi còn hạn chế kỹ năng thao tác trên các nền tảng học tập trực tuyến.

Hạ tầng kỹ thuật tại các nhóm, lớp học chưa đồng đều, chưa đảm bảo thiết bị cá nhân và kết nối mạng cho tất cả giáo viên.

Trường mầm non Nam Hồng đã xây dựng được nền tảng về phát triển nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số trong giáo dục mầm non, với đội ngũ giáo viên trẻ có năng lực tin học tốt, chủ động tiếp cận và ứng dụng công nghệ hiện đại trong dạy học và quản lý. Việc tổ chức bồi dưỡng, tập huấn thường xuyên qua các nền tảng số đã góp phần nâng cao hiệu quả chuyên môn và kỹ năng CNTT của cán bộ, giáo viên. Tuy nhiên, để đạt hiệu quả chuyển đổi số toàn diện, nhà trường cần tiếp tục hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, tăng cường hỗ trợ giáo viên lớn tuổi, đồng thời nâng cao đồng bộ kỹ năng sử dụng công cụ công nghệ trong thực tiễn giảng dạy bằng các phần mềm chuyên dụng.

### **\*Tự đánh giá tiêu chí 4**

<b>Chỉ số</b>	<b>Điểm số</b>
4.1. Tỷ lệ giáo viên sử dụng được ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	5.5
4.2. Tỷ lệ giáo viên hằng năm được tập huấn, bồi dưỡng (gồm cả bồi dưỡng cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận) nâng cao năng lực chuyên môn thông qua nền tảng số	6
<b>Tổng điểm</b>	<b>11.5</b>

**Kết luận tiêu chí 4: Đạt 11.5 điểm - Đạt: Mức độ: 2**

## **V. Tiêu chí 5: Hạ tầng, thiết bị phục vụ quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ**

### **Mở đầu**

Trong bối cảnh chuyển đổi số ngày càng sâu rộng trong Ngành Giáo dục, hạ tầng và thiết bị công nghệ thông tin (CNTT) giữ vai trò then chốt, là nền tảng quan trọng để triển khai hiệu quả các hoạt động quản lý, điều hành, chăm sóc, giáo dục trẻ và tăng cường kết nối giữa nhà trường với phụ huynh. Một hệ thống hạ tầng CNTT hiện đại, đồng bộ không chỉ góp phần nâng cao chất lượng dạy học mà còn tối ưu hóa công tác quản trị trong nhà trường mầm non.

Năm học 2025-2026, Trường Mầm non Nam Hồng đã chú trọng đầu tư, từng bước nâng cấp cơ sở vật chất và thiết bị CNTT tại cả 3 điểm trường nhằm phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý và hỗ trợ các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Hiện nay, nhà trường được trang bị khá đầy đủ các thiết bị thiết yếu như: máy tính, máy in, máy chiếu, tivi, loa kéo, hệ thống camera giám sát, mạng Internet và Wifi phủ sóng toàn bộ các điểm trường. Mỗi nhóm lớp đều có ít nhất 1 tivi, 1 laptop và thiết bị trình chiếu hỗ trợ giáo viên ứng dụng công nghệ vào tổ chức hoạt động học tập và trải nghiệm cho trẻ một cách linh hoạt, sáng tạo.

Tiêu chí 5 nhằm đánh giá mức độ đầu tư, khai thác và hiệu quả sử dụng hạ tầng CNTT tại Trường Mầm non Nam Hồng, thông qua các nội dung như: tỷ lệ phòng học có thiết bị CNTT, số lượng máy tính phục vụ công tác chuyên môn, mức độ phủ sóng và sử dụng mạng Internet, khả năng ứng dụng thiết bị số trong giảng dạy và quản trị nhà trường. Mục tiêu của tiêu chí là bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số toàn diện, phục vụ hiệu quả các hoạt động giáo dục mầm non trong thời kỳ mới.

### **Tiêu chí 5.1: Tỷ lệ phòng học có thiết bị hỗ trợ triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và được kết nối Internet.**

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Trong năm học 2025-2026, Trường Mầm non Nam Hồng đã chú trọng đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, đặc biệt là hệ thống thiết bị CNTT tại các nhóm/lớp nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục mầm non.

Hiện nay, 100% phòng học đều được trang bị tivi kết nối Internet không dây cho phép giáo viên trình chiếu bài giảng, sử dụng video, hình ảnh minh họa, tổ chức các hoạt động giáo dục trực quan sinh động. Hệ thống mạng Internet được lắp đặt ổn định tại các điểm trường, tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên khai thác tài nguyên dạy học trực tuyến, truy cập học liệu số và sử dụng phần mềm hỗ trợ giảng dạy.

Việc trang bị thiết bị hiện đại góp phần nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục, tạo cơ hội để trẻ được tiếp cận với phương pháp học tập tích cực, trực quan. Tuy nhiên, một số thiết bị còn thiếu tính đồng bộ về chất lượng; nhà trường hiện chưa có bảng tương tác thông minh hoặc máy chiếu tại các lớp, ảnh hưởng phần nào đến khả năng ứng dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy tiên tiến.

## **2. Điểm mạnh**

- 18/18 nhóm/lớp được trang bị tivi có kết nối Internet, có thiết bị (Tivi, máy tính, điện thoại thông minh và thiết bị phụ trợ khác) hỗ trợ triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, hỗ trợ giáo viên trình chiếu bài giảng, khai thác video, hình ảnh minh họa sinh động, góp phần tăng tính hấp dẫn cho hoạt động học tập của trẻ.

- Mạng Internet tại các điểm trường hoạt động tương đối ổn định, giúp giáo viên thuận tiện truy cập và khai thác học liệu số, sử dụng các phần mềm như Canva, PowerPoint, Word, CapCut... trong quá trình soạn giảng và tổ chức hoạt động.

- Cơ sở vật chất được quy hoạch hợp lý, đầy đủ các khối phòng phục vụ học tập, hành chính, y tế, nhà bếp bán trú, sân chơi ngoài trời và khu trải nghiệm, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ một cách toàn diện.

## **3. Điểm yếu**

- Một số thiết bị công nghệ trong lớp học như tivi đã cũ, tốc độ xử lý chậm, dẫn đến hạn chế trong việc trình chiếu hoặc khai thác tài nguyên đa phương tiện hiệu quả.

- Nhà trường chưa trang bị được bảng tương tác thông minh, hoặc các thiết bị dạy học hiện đại, khiến việc ứng dụng công nghệ trong các hoạt động giáo dục còn bị giới hạn.

- Đường truyền Internet tại một số thời điểm chưa ổn định, việc truy cập học liệu trực tuyến đôi khi bị gián đoạn, ảnh hưởng đến quá trình dạy học.

- Một số thiết bị máy móc có cấu hình thấp, chưa được nâng cấp kịp thời, gây khó khăn trong việc cài đặt và sử dụng các phần mềm hỗ trợ dạy học hiệu quả.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

<b>Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện</b>	<b>Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)</b>	<b>Điều kiện để thực hiện</b>	<b>Mốc thực hiện/ thời gian hoàn thành</b>	<b>Dự kiến kinh phí</b>
Rà soát, nâng cấp, sửa chữa các thiết bị như: Tivi, máy tính, máy in để hỗ trợ cho các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ hiện đại để đáp ứng kịp CNS hiện nay	BGH+GV	Có biên bản rà soát nâng cấp các thiết bị	Trong năm học và các năm tiếp theo	20.000.000 Triệu đồng
Nâng cấp bảo trì hệ thống mạng	Đơn vị cung cấp mạng Viettel, VNPT	Có kinh phí	Trong năm học và các năm tiếp theo	4.000.000 Triệu đồng

### **5. Tự đánh giá**

<b>Chỉ số</b>	<b>Điểm số</b>
5.1 Tỷ lệ phòng học có thiết bị hỗ trợ triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và được kết nối Internet	3
<b>Tổng điểm</b>	<b>3</b>

**Tiêu chí 5.2: Máy tính Internet phục vụ công tác văn phòng, chuyên môn của cơ sở giáo dục mầm non.**

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Trong năm học 2025-2026, Trường Mầm non Nam Hồng đã có những bước tiến rõ rệt trong việc trang bị thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, hành chính và chuyên môn. Hiện tại, nhà trường được trang bị 05 máy tính để bàn, 05 máy in, 01 máy Scan, 01 máy chiếu Epson EB-X06 tất cả đều được kết nối mạng Internet để phục vụ công việc văn phòng, quản lý hành chính và chuyên môn.

Giáo viên tại các nhóm lớp cũng đã chủ động trang bị máy tính xách tay có kết nối Internet để phục vụ soạn giảng, tìm kiếm học liệu, thực hiện báo cáo chuyên môn và tổ chức các hoạt động giáo dục. Các máy tính được sử dụng để quản lý hồ sơ trẻ, xử lý văn bản điện tử, theo dõi tài chính - kế toán, tổ chức họp trực tuyến và truy cập các phần mềm hỗ trợ như: VnEdu, Canva, CapCut, ChatGPT, Gemini, Gamma, Google Drive...

Ngoài ra, nhà trường còn trang bị thêm các thiết bị hỗ trợ như:

- Hệ thống camera giám sát khu vực bếp tại cả 3 điểm trường, kết nối tới màn hình trung tâm tại phòng hiệu trưởng, phục vụ công tác giám sát và quản lý.
- 01 loa kéo di động, 1 loa nén phục vụ tổ chức các hoạt động giáo dục, chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ.

Tuy nhiên, một số thiết bị như máy tính hiện đã xuống cấp, cấu hình thấp, tốc độ xử lý chậm, ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc. Ngoài ra, phần lớn máy tính cá nhân của giáo viên chưa có nguồn hỗ trợ bảo trì, nâng cấp, dẫn đến khó khăn trong việc sửa chữa, thay thế khi thiết bị hỏng hóc.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ máy tính, máy in, máy scan được kết nối Internet, đảm bảo phục vụ hiệu quả công tác quản lý hành chính và chuyên môn.

100% các nhóm/lớp (18/18) đều có trang thiết bị CNTT như tivi, máy tính, điện thoại thông minh kết nối Internet, đáp ứng yêu cầu triển khai các hoạt động giáo dục, nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ.

Giáo viên có khả năng sử dụng các phần mềm hỗ trợ như VnEdu, Canva, CapCut, Gamma... để soạn bài giảng điện tử, lưu trữ dữ liệu và báo cáo chuyên môn nhanh chóng, hiệu quả.

Hệ thống thiết bị hỗ trợ như máy chiếu, camera giám sát, loa kéo góp phần nâng cao chất lượng quản lý, tổ chức các hoạt động tập trung và sinh hoạt chuyên môn.

Trong năm học 2025-2026 nhà trường tiếp tục đầu tư thêm 1 bộ loa kéo, 1 loa nén tại điểm trường số 1 để hỗ trợ tổ chức các hoạt động tập trung và sinh hoạt chuyên môn.

## **3. Điểm yếu**

Một số máy tính đã cũ, cấu hình thấp, tốc độ xử lý chậm, ảnh hưởng đến hiệu suất làm việc. Việc bảo trì, nâng cấp máy tính chưa được thực hiện định kỳ do thiếu nguồn đầu tư, đặc biệt là các máy tính cá nhân của giáo viên đều do tự trang bị.

Một bộ phận giáo viên, đặc biệt là giáo viên lớn tuổi, chưa thành thạo trong việc sử dụng phần mềm giảng dạy và quản lý, dẫn đến việc ứng dụng công nghệ chưa đồng đều giữa các lớp.

Chưa có hệ thống hỗ trợ kỹ thuật thường xuyên để xử lý sự cố công nghệ, giáo viên còn phải tự khắc phục hoặc chi phí tự bỏ ra khi thiết bị hỏng hóc.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

<b>Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện</b>	<b>Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)</b>	<b>Điều kiện để thực hiện</b>	<b>Mốc thực hiện/ thời gian hoàn thành</b>	<b>Dự kiến kinh phí</b>
Kiểm kê, đánh giá tình trạng thiết bị CNTT hiện có trong toàn trường để đề xuất danh sách cần sửa chữa, nâng cấp thay thế	BGH+ GV	Có biểu mẫu kiểm kê và thời gian rà soát cụ thể	Trong năm học và các năm tiếp theo	Không (Nội bộ thực hiện)
Tổ chức các buổi tập huấn về sử dụng phần mềm quản lý, khai thác học liệu số, giúp giáo viên thành thạo hơn trong việc áp dụng công nghệ vào công tác giảng dạy.	BGH, Tổ CM, GV	Có tài liệu, hệ thống kết nối mạng ổn định, Laptop, máy chiếu...	Trong năm học và các năm tiếp theo	2.000.000đ

### **5. Tự đánh giá**

<b>Chỉ số</b>	<b>Điểm số</b>
5.2 Máy tính Internet phục vụ công tác văn phòng, chuyên môn của cơ sở GDMN.	4
<b>Tổng điểm</b>	<b>4</b>

### **Kết luận về Tiêu chí 5**

#### **Điểm mạnh:**

100% các lớp học được trang bị tivi kết nối Internet và các thiết bị CNTT (máy tính, điện thoại thông minh, thiết bị phụ trợ), hỗ trợ tốt cho hoạt động giáo dục, nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ.

Mạng Internet tương đối ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên truy cập học liệu số và sử dụng các phần mềm như: Canva, Gamma, Word, CapCut, VnEdu...

Hạ tầng cơ sở vật chất đầy đủ và hợp lý: Có các khối phòng chức năng (y tế, hành chính, bếp ăn, sân chơi...) phục vụ toàn diện cho các hoạt động.

Giáo viên chủ động ứng dụng CNTT trong soạn giảng, báo cáo chuyên môn, trình chiếu nội dung sinh động, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục.

Trang bị thêm các thiết bị hỗ trợ như: camera giám sát, loa kéo, loa nén giúp tăng cường công tác quản lý và tổ chức hoạt động.

#### **Điểm yếu:**

Một số thiết bị công nghệ như tivi, máy tính đã cũ, cấu hình thấp, tốc độ chậm, ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng và khai thác tài nguyên số.

Thiếu thiết bị hiện đại như: bảng tương tác thông minh, máy chiếu tại các lớp học, làm hạn chế ứng dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến.

Internet đôi khi chưa ổn định, gây gián đoạn truy cập học liệu và ảnh hưởng đến hoạt động dạy học.

Một số giáo viên lớn tuổi còn hạn chế trong sử dụng công nghệ, dẫn đến sự không đồng đều trong việc ứng dụng chuyển đổi số giữa các lớp.

Trường mầm non Nam Hồng đã có những bước tiến quan trọng trong đầu tư và phát triển hạ tầng CNTT, với hệ thống mạng Internet phủ sóng toàn trường, 100% phòng học có tivi kết nối Internet và phần mềm quản lý giáo dục được triển khai đồng bộ. Tuy nhiên, để nâng cao hơn nữa hiệu quả ứng dụng công nghệ trong giáo dục, nhà trường sẽ tiếp tục đầu tư, nâng cấp thiết bị CNTT, tăng cường tập huấn cho giáo viên về khai thác công nghệ trong giảng dạy, cải thiện tốc độ Internet và tìm kiếm các nguồn hỗ trợ tài chính để mở rộng hạ tầng số. Mục tiêu trong thời gian tới là đảm bảo môi trường giáo dục hiện đại, hỗ trợ tốt nhất cho công tác quản lý và giảng dạy, giúp trẻ được tiếp cận với những phương pháp học tập tiên tiến trong thời đại số hóa.

**\*Tự đánh giá tiêu chí 5**

Chỉ số	Điểm số
5.1 Tỷ lệ phòng học có thiết bị hỗ trợ triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và được kết nối Internet.	3
5.2 Máy tính Internet phục vụ công tác văn phòng, chuyên môn của cơ sở GDMN.	4
<b>Tổng điểm</b>	<b>7</b>

**Kết luận tiêu chí 5: Đạt 7 điểm - Đạt Mức độ 3**

**Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

Tiêu chí 1:	Đạt	Số lượng 1/1 tỷ lệ 100%
Tiêu chí 2:	54 điểm	Số lượng 13/13 tỷ lệ 100%
Tiêu chí 3:	8 điểm	Số lượng 3/3 tỷ lệ 100%
Tiêu chí 4:	11.5 điểm	Số lượng 2/2 tỷ lệ 100%
Tiêu chí 5:	7 điểm	Số lượng 2/2 tỷ lệ 100%
<b>Tổng điểm các tiêu chí:</b>	<b>80.5 điểm</b>	<b>Đạt mức độ 3</b>

Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Mức độ: 3

Cơ sở giáo dục đề nghị đạt mức độ chuyển đổi số: Mức độ 3

Nam Hồng, ngày 8 tháng 5 năm 2026

**Chủ tịch HĐQT**

  
 HIỆU TRƯỞNG  
*Trần Thị Nụ*

**Phần IV. PHỤ LỤC**

- Phần phụ lục, bao gồm các số liệu thống kê, bảng biểu tổng hợp, danh mục mã minh chứng... (nếu có)